

# KANGAROO KÝ

Nguyễn Xuân Quang



Đại Hội Quốc Tế Y Nha Dược Sĩ Việt Nam kỳ 5 lần này được tổ chức tại Sydney, Úc châu. Đi phó hội là chuyện tất nhiên đối với tôi. Ngoài đại hội ra, tôi còn muốn thăm viếng lại Úc châu và cộng đồng Việt Nam tại Úc. Trước đây chúng tôi đã đến Úc một lần để ra mắt quyển Khai Quạt Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt ở Sydney và Melbourn. Trong lòng còn mang nhiều kỷ niệm khó quên. Chuyến đi lần này có những mục đích chính là dự đại hội, ra mắt quyển Tiếng Việt Huyền Diệu, đi chu du miệt dưới và truy tìm những dấu vết của cổ sử và ngôn ngữ Việt Nam mà tôi đang nghiên cứu. Úc châu và văn hóa thổ dân Úc có nhiều điều kỳ thú đáng sưu tầm, học hỏi. Úc châu là một đại lục mang tiếng là “xa xôi hẻo lánh”, “miệt dưới” Down Under, tôi dịch theo từng chữ một là “Hạ Dưới” (xin đừng hiểu theo nghĩa bậy như hiểu tên bài hát “Hạ Trắng” của các sinh viên y khoa đi tập sự ở Viện Bảo Sinh Hùng Vương, Từ Dũ ngày trước) nên Úc còn giữ được nhiều “địa khai” tinh ròng, thuần tính, thuần khiết chưa bị vấy nhiễm, chưa bị lai căng hàm hồng đi mất, nhất là về mặt văn hóa bản địa. Ngoài những “địa khai” dưới lòng đất quý hiếm và những địa khai sống như các loài thú, chim, cá, cây, cỏ lạ mà không một nơi nào còn thấy, về mặt văn hóa bản địa, văn hóa thổ dân dọc suốt quãng thời gian mấy chục ngàn năm chưa hề bị ảnh hưởng bởi các nền văn hóa khác đến từ bên ngoài. Những nền văn minh của những kẻ võ biên ngoại lại thường có khuynh hướng tiêu diệt nền văn minh bản địa ví dụ như trường hợp của chúng ta. Những địa khai văn hóa này đã được “đông giá”(frozen) trong những khung thời gian cổ đại, những dấu mốc thời gian chính xác của thời quá vãng. Thổ dân Úc còn nhớ được cái Thời Gian Trong Mơ (Dreaming time) của nhân loại. Về ngôn ngữ học chẳng hạn, ngôn ngữ thổ dân Úc không bị ảnh hưởng của bất cứ một ngôn ngữ nào khác nên phần lớn ngôn ngữ thổ dân Úc châu còn giữ được cái tinh ròng của ngôn ngữ cổ Á châu là nơi họ đã xuất phát hay đã dừng chân lại trên quãng đường đi tới Úc. Trên quãng đường này có Đông Nam Á, có Việt Nam cổ. Do đó nghiên cứu ngôn ngữ thổ dân Úc sẽ tìm ra được những tia sáng làm sáng tỏ được ngôn ngữ cổ Việt. Tôi đã tìm thấy có sự liên hệ giữa Úc ngữ và Việt ngữ. Con kangaroo chính là con có tên Việt là con “Chẳng có rõ” (xem Sự Liên Hệ Giữa Việt Ngữ Và Úc Ngữ đăng trong kỷ yếu của đại hội). Về hội họa, thổ dân Úc có lối hội họa hình chấm (dots) và lối vẽ theo cái nhìn của con mắt quang tuyến X (X-ray painting), lối vẽ “nhìn thấy hết” từ ngoài vào trong.

Chẳng hạn như vẽ hình người, thú vật vân vân họ vẽ theo cách nhìn quang tuyến thấy cả xương cốt, gan lòng. Vẽ theo lối vẽ hình chấm tức vòng tròn bắt nguồn từ hình ảnh và màu sắc lấy từ mặt trời, mặt trăng. Mặt trời là nguồn sống, là cứu tinh, là vị thần toàn năng của con người tiền sử. Nên cái vòng tròn, cái chấm là một trong những nét vẽ đầu tiên của loài người khởi sự từ sự sùng bái mặt trời. Cái vòng tròn, cái chấm được coi là thiêng liêng, được tôn thờ nhất. Vòng tròn, cái chấm trở thành một biểu tượng, một thứ chữ, một thứ nghệ thuật họa hình khi con người biết vẽ. Vẽ theo hình vòng tròn là một trong những “trường phái” hội họa cổ đại nhất của nhân loại. Khi nét vẽ trở thành chữ viết thì vòng tròn, cái chấm trở thành một thứ hình ngữ như thấy qua chữ nòng nọc (vòng tròn với màu sắc khác nhau như trắng đen, đỏ trắng, nâu đen là vòng tròn dương âm, giống như một loại Dịch diễn tả âm dương bằng chấm rỗng trắng và chấm đen). Số đếm của thổ dân Úc phần lớn chỉ có một và hai. Trên hai chỉ có một từ “nhiều”, nhiều lần một, nhiều lần hai, không có ba, bốn, năm.... Đây là số đếm kiểu nòng nọc, kiểu âm dương, kiểu nhị nguyên, kiểu điện toán. Số đếm chỉ có trời và trăng biểu tượng bằng những vòng tròn hay các chấm. Lối vẽ “nòng nọc” vòng tròn và lối vẽ quang tuyến X cổ đại này còn thấy ghi khác lại trên trống đồng Đông Sơn. Những hình chim cò, nhà cửa, thuyền bè trên trống đồ cổ đều vẽ theo lối nhìn quang tuyến X. Sự liên hệ của lối vẽ X-ray này giúp ta rút tỉa được nhiều điều quý hơn vàng cho nền văn hóa Đông Sơn lẫn văn hóa thổ dân Úc châu. Tôi sẽ khai triển thêm khi nào gặp dịp.



Lối vẽ X-ray trên trống đồng và của thổ dân Úc.

Tôi cũng muốn trở lại Úc ăn món súp đuôi kangaroo để kiểm chứng lại... cái quan niệm ăn gì bỏ nấy của Đông phương mà thú thật tôi chưa tin hoàn toàn. Con kangaroo có cái đuôi rất to khỏe, ăn thịt kangaroo và nhất là đuôi thì bỏ... đuôi. Cái đuôi của con thú và cái đuôi của phái nam là một. Ăn đuôi (to khỏe) bỏ đuôi. Về mặt ngôn ngữ học ta cũng thấy đuôi người và đuôi vật ruột thịt với nhau. Anh ngữ *queue*, nói đuôi, Pháp ngữ *queue*, đuôi. Cây *que* đánh billard cũng gọi là *queu* (theo Pháp ngữ, ta thường hay nói theo phiên âm là cây “cơ” thụt bi-da). Queue, queu có gốc “*que-*” chính là “*que*” của Việt ngữ. Vì thế mà cây que thụt billard Pháp ngữ mới gọi là *queu*, Anh ngữ gọi là *cue*. Cơ là que nên từ đôi điệp nghĩa “*que cơ*” đề ra từ đôi “*que cơ*”. Que là cộc, là cựa (đặt cộc, đặt cựa), là *c*. . . Anh ngữ *cue* ruột thịt với *cu*. Cổ ngữ Việt “*ke*” là *que*. Theo biến âm qu = c = k như cuốn = quộn, cue = queu, ta có ke = que. Ke là bộ phận sinh dục nam (Từ Điển Việt Bồ La, Alexandre de Rhode). Ta cũng có từ đôi “*theo đuôi*”. Những từ đi đôi trong Việt ngữ thường có nghĩa như nhau hay có cùng một gốc nghĩa nên “theo đuôi” có *theo* = *đuôi*. Theo chính là Anh ngữ “*tail*”. Tail (teo) đọc thêm hơi vào thành “theo”. Anh ngữ “*teo*” cho thấy cái “*teo*” dễ bị “*teo*” lắm. Thành thử nếu ăn cái “*teo*” của kangaroo mà tránh được tình trạng teo thì thể nào cũng có món phở đuôi kangaroo và dân Úc sẽ giàu to vì con kangaroo. Ở đây cũng cho thấy Việt ngữ và Anh Pháp ngữ kháng khí với nhau nên tiện đây xin có lời giới thiệu loạt bài rất bổ ích Học Tiếng Anh Bằng Tiếng Việt của tôi khởi

đăng đọc quyền trên Y Học & Đời Sống kể từ số này. Và trong loạt bài bút ký này có dịp tôi sẽ chuyển tiếng Anh Pháp qua Việt ngữ để quý vị lớn tuổi giỏi tiếng Việt (mà kém tiếng Anh) học tiếng Anh cho dễ nhớ và các bạn trẻ giỏi tiếng Anh (mà kém tiếng Việt) học tiếng Việt cho dễ hiểu. Cũng xin độc giả nào không thích chữ nghĩa hay có quá nhiều chữ nghĩa, bỏ qua nếu đôi khi cảm thấy khó chịu vì thấy tôi cứ nhẩy ra ngoài “lề bài viết” để nói dài dòng một đôi chút về chữ nghĩa. Tôi có một tật hơi khó chữa. Cái tật mà các cụ ta đã bảo “*dốt hay nói chữ*”.

Đã nhất quyết đi dự đại hội và muốn chu du miệt dưới nên chúng tôi phải chọn ngày đi cho thích hợp, cho trọn vẹn cả hai. Theo sự thăm dò với hàng triệu du khách viếng thăm Úc châu thì những nơi thu hút được nhiều du khách và lưu lại nhiều kỷ niệm cho du khách nhất ở Úc là: nhà hát Opera House (mái buồm căng gió có hình nghêu sò nên tôi gọi là Nhà Hát Nghêu hay Nhà Hát Ngao lấy ý từ cụm từ “hát nghêu ngao”), Great Barrier Reef (Vòng Rào Lớn San Hô), Hòn Đá Tầng Uluru (Ayers Rock), Đảo Cò (Heron Island) ở cách độ chừng 55 dặm ngoài khơi Queensland và Rừng mưa. Dĩ nhiên đây chỉ là sở thích của đa số, thật ra còn tùy từng đầu óc, thị hiếu của mỗi cá nhân. Có một du khách Việt Nam đi du lịch Úc ghé thăm tầng đá vĩ đại nhất thế giới Uluru này. Đến nơi chỉ thấy một tầng đá ở giữa một nơi hoang vu mênh mông, sa mạc nắng chang chang, nóng như lò lửa hồng, bèn than rằng “tốn bao nhiêu công sức mà đến chỉ thấy có một cái *Ụ Lù Lù*”. Đối với ông ta Uluru là cái *Ụ Lù Lù*. Ngôn ngữ thổ dân Úc châu liên hệ với Việt ngữ nên Uluru có thể là *Ụ Lù Lù*. Đối với vị này thì cái *Ụ Lù Lù* nói theo nghĩa của người Việt hiện kim mang ý xấu. Nhưng có thể đối với thổ dân, Uluru là cái *Ụ Lù Lù* nhưng là cái *Ụ Lù Lù* hiểu theo nghĩa tiếng cổ Việt là vĩ đại, đây là một hòn đá vĩ đại nhất thế giới, nơi có hồn thiêng núi non, nơi thờ phượng thiêng liêng với những hang động còn khắc ghi những hình ảnh và biểu tượng.... từ thời viễn mơ. Ngày xưa kẻ nào lai vãng bước vào chỗ linh thiêng này là bị giết ngay. Ngày nay du khách vào các hang hốc sò mó lung tung những hình ảnh thiêng liêng, ăn nói đùa giỡn thô tục rồi cười sằng sặc với nhau... vì thế mới coi nó chỉ là một cái *Ụ Lù Lù* dùng với một nghĩa đầy miệt thị. Nếu nhìn bằng con mắt quang tuyến X thì ta sẽ thấy những dấu trên tầng đá có hình một cái sọ người khổng lồ lớn nhất thế giới... Xin nhờ một vị người Úc gốc Việt nào đó có đầu óc tò mò thử nghiên cứu xem cái sọ này có giống sọ của người cổ Việt không. Biết đâu đấy, chuyện gì cũng có thể xảy ra, “chẳng có rõ” được.



*Những dấu trên tầng đá Uluru có hình sọ người.*

Vì dự đại hội tại Sydney, nên ưu tiên nhất kỳ này đối với chúng tôi là Sydney và cao điểm nhất là nhà Hát Nghêu ở vào thời điểm đêm giao thừa Tây có pháo bông. Vì vậy khi ban tổ chức dự định chọn ngày sau tết Tây cho được giá rẻ, tôi đã góp ý cho rằng đến Sydney sau ba ngày lễ tết thì chỉ thường thức được cái hội chứng “post holiday syndrome”, thường thức những rác rến, vỏ chai rượu, lon bia, hàng quán xác xơ, người ngợm bơ phờ (dân Úc uống rượu có hạng). Một số bằng hữu không đồng ý. Dù gì thì chúng tôi cũng dự tính đến Úc trước tết Tây dù cho đại hội có tổ chức sau tết dương lịch. May mắn sau đó ban tổ chức đã chọn ngày trước tết.

Vấn đề sinh tử là phải chọn được một tour thích hợp hay phải “vẽ” (design) ra một tour cho thích hợp, phải chọn được hotel mình thích và mua vé máy bay với giá chấp nhận được, nếu đi riêng. Cuối cùng chúng tôi tìm được một tour đi Úc, Tân Tây Lan và Fiji khá thích hợp. Tôi nói khá vì phải điều chỉnh, bỏ bớt vài nơi để dự được đại hội trọn vẹn kể từ ngày khai mạc. Nếu đi theo đúng hành trình của tour thì trong thời gian đại hội chúng tôi còn ở Great Barrier Reef và Melbourn. Vì thế tôi đành phải hy sinh bỏ đi chơi xem san hô và Melbourn để ở lại Sydney dự lễ khai mạc đại hội. Chúng tôi bỏ Melbourn vì lần trước đã ghé qua. Chỉ có bà xã tôi đi thăm vùng biển san hô rồi bỏ Melbourn về dự đại hội đúng ngay vào buổi thuyết trình của tôi tại đại hội. Dĩ nhiên bà xã tôi là một hỗ trợ viên ủng hộ tôi hết mình không một ai sánh bằng. Tôi yên chí lớn. Nếu không có ai khác thì ít nhất cũng có được một người là vợ tôi ngồi nghe tôi thuyết trình. Ở lại Sydney nhiều ngày cũng tốt vì tôi có thì giờ nhiều để thăm viếng bằng hữu cũ cũng như mới và lo cho buổi ra mắt sách dự định ngay sau ngày đại hội chấm dứt.

Phải ghi lấy tour sớm kẻo không còn chỗ, mùa này rất đông người đi và để có thể chọn chỗ máy bay ngay. Đi xa và nhất là đối với những người lớn tuổi cần phải có được một chỗ máy bay tốt. Tránh ngồi những hàng ghế ở gần các vách ngăn thường dành cho các gia đình có con em còn bé và đôi khi gần buồng tắm rất khó ngủ và khó chịu phải nhìn những khuôn mặt thộn ra của những người đợi vào nhà nghỉ ngồi đứng sát ngay bên mình. Một chuyến bay đường trường, dài dằng dặc, những người lớn tuổi, có người cần đi buồng tắm nhiều, nên chọn một chỗ ngồi bên lối đi (aisle). Riêng tôi không có trở ngại gì về hệ thống “cống rãnh” trong người (các fellows ngành thận (nephrology) của tôi thường gọi đùa các bạn ngành niệu khoa (urology) là bọn “thợ cống rãnh” “medical plumber”), tôi cũng không bị trở ngại gì về hệ thống mạch máu nhưng muốn ngồi ngay lối đi vì muốn cứ một, hai giờ lại đứng dậy đi lại cho khỏi bị chồn chân, cho dẫn gân, dẫn cốt, cho máu lưu thông tốt, tránh được nguy cơ bị chứng sưng tĩnh mạch sâu tắc máu cục (DVT) thường thấy ở những hành khách ngồi bó gối lâu dài trên máy bay. Nếu tôi nhớ không lầm, ông tổng thống Bill Clinton ngồi lâu trên một chuyến bay một lần có những triệu chứng bị chứng này. Máy bay của ông ta rộng thênh thang, một mình một chộ mà còn có nguy cơ như thế huống chi là hành khách đi hạng “tàu chợ” ngồi bó gối hơn cả chục giờ bay.

Cũng như các chuyến đi khác, trước khi đi cần phải điều nghiên một vài điểm chính yếu như thời tiết, môi sinh, dân tình nơi mình đến. Chẳng hạn như nếu muốn về Việt Nam và thích thú nóng lè lưởi ra thì nên đi vào khoảng tháng ba t a đúng theo lời vàng ngọc của dân gian đã nói “*Nắng tháng ba chó già lè lưởi*” và nếu thích bão mưa thì đi vào khoảng tháng mười ta vì di ngôn của các cụ ta đã răn “*Tháng chín ăn rươi, Tháng mười chịu bão*”. Đi như thế vừa được hưởng nắng lè lưởi ra và bão mưa tới bời vừa được hưởng...giá rẻ. Chuyến đi Sydney kỳ này không có vấn đề gì nhiều về thời tiết vì Sydney vào thời gian đại hội là mùa hè, một mùa có thời tiết lý tưởng. Khí hậu Úc châu ở Nam bán cầu nên ngược với khí hậu Bắc Mỹ. Mùa xuân ở Úc bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 11, mùa hè từ tháng 12 tới tháng 2, mùa thu từ tháng 3 tới tháng 5 và mùa đông từ tháng 6 tới tháng 8. Học trò nghỉ vào đầu tháng 5, giữa tháng 8 và giữa tháng 12 cho tới tuần lễ đầu tiên của tháng 2. Những dịp này các khu du lịch ở Úc và các vùng lân cận rất đông vui. Như thế thời điểm đại hội vào mùa hè, vào mùa lễ Tết dương lịch, vào mùa nghỉ học. Đây là cao điểm của mùa vui chơi và du lịch và cũng là mùa đắt đỏ. Do đó đây cũng là mùa mà hotel, vé máy bay rất đắt và rất khó có được nếu không quyết định từ lâu trước. Giá hotel vào đêm giao thừa Tây ở những tụ điểm quanh Opera House, nơi đốt pháo bông giá gấp ba gấp bốn lần giá thường ngày mà không có, có chỗ thiên hạ đã xí trước cả năm rồi. Tôi bỏ đoàn đi tour để dự đại hội nên phải thuê khách sạn lấy trong những ngày này. Lần trước chúng tôi đã ở khu Darling Harbour nơi có Convention Center, chỗ đại hội tổ chức, kỳ này vì chọn xem pháo bông nên chúng tôi thuê phòng ở Marriott ngay tại Bến Tàu Vòng Cung Circular Quay. Ở

đây có thể đi bộ ra cầu tàu xem pháo bông hay ở ngay trong phòng cũng nhìn thấy pháo bông. Dĩ nhiên muốn có phòng nhìn thấy pháo bông phải trả thêm tiền, phải mất thêm 40 Mỹ kim một đêm.

Như thế theo thời tiết, chúng tôi phải mang theo quần áo mùa hè. Nhiều khi mùa hè ở Úc nắng cháy da, nắng đỏ lửa với những trận cháy rừng kinh hoàng. Hãy nhìn các tay quần vợt dự giải Davis thì thấy cái nắng như thế nào. Giải này tổ chức ở Melbourn là nơi đã được cho là mát. Cần phải mang áo mát, thuốc bôi chống nắng loại ít nhất là 30 đơn vị trở lên. Tôi mang theo một cái quạt máy chạy pin loại bỏ túi để phòng hờ. Vì nắng cháy, dân Úc có những thân hình 3B (baking browned body). Nhân viên bưu điện, cảnh sát thường mặc quần soọc (short), nói nôm na theo tiếng Việt là quần cộc hay quần cụt (ngày xưa dân giàu có dùng chữ soọc, soóc cho nó sang và dành từ quần cộc, quần cụt để chỉ ‘quần xà lòn’). Thật ra *short*, *sooc* với *cộc*, *cụt* là một. Tây Ban Nha ngữ *corto* chính là Việt ngữ *cộc*. Đức ngữ *kurz*, Pháp ngữ *court* chính là Việt ngữ *cụt*. Theo s, sh = c như sắt = cắt, ta có *short*, *soóc*, *sooc* = *corto* = *court* = *kurz* = *cộc* = *cụt*. Nếu *cộc*, *cụt*, *short* quá thì các cụ ta bảo là *cũn cữn*. Dân Úc cũng thích đội mũ vì trời nắng nên có nhiều loại mũ rất đặc biệt. Thích đội mũ nên cũng thích chụp mũ cho những người thân yêu cho khỏi nắng. Không biết cộng đồng Việt Nam ở Úc có hiện tượng chụp mũ cho những người... không thân thương giống như ở những nơi khác không? Dù sao thì ở Úc nếu bị chụp mũ oan thì cũng được an ủi một điều là đỡ được nắng, được mát mặt, chứ ở những nơi khác tuyệt giá mà bị chụp mũ oan thì thật là nặng cái đầu. Nói theo nghề nghiệp thì danh từ y khoa là “nhẹ đầu” (“light-headed”) chứ không phải là nặng đầu. Người Úc ở những vùng sâu, vùng xa “outback” còn có một loại mũ đặc biệt có những tua để đuổi ruồi. Loại ruồi ở Úc chỉ to bằng một nửa con ruồi nhà nhưng là loại ruồi. . . “bất hảo”, “*outlaw*”. Vào mùa hè như thời gian đại hội bây giờ, ở những vùng sâu, vùng xa, từng bầy ruồi, những phi đội ruồi (flights of flies) giống như những phi đội cầm tử Thần Phong của Nhật bổ nhào vào thân người tìm những chỗ ẩm, có nước. Ở sa mạc nên chúng thích nước. Mồm, miệng, mũi, mắt là những mục tiêu hàng đầu. Chúng không đi tìm nước thiên nhiên uống mà chỉ khoái những chất nước trong cơ thể con người vì những loại nước này đối với chúng là những thứ “eau de vie”, là rượu, là bia, là “love potion”. Người Úc đã nghĩ ra loại mũ tua đặc biệt này lắc đầu qua lại để có thể xua đuổi ruồi trong khi hai tay vẫn còn được tự do làm chuyện khác (xin đừng nghĩ bậy). Họ lắc đầu đuổi ruồi giống như các bà bán rong ở Việt Nam cầm cành lá phát phơ đuổi ruồi. Vì thế mới có cụm từ “ngồi đuổi ruồi”. Những lúc buồn, họ ngồi đuổi ruồi lắc đầu mà cảm cảnh đời... hoang vu, trống vắng giống như các bà bán rong ế khách buồn tình ngồi đuổi ruồi. Loại ruồi này không sợ các loại thuốc bôi trừ ruồi muỗi, trái lại chúng thích cái ẩm ướt và mùi thơm phức của thuốc, chúng lại sinh sôi nảy nở thêm ra nữa. Vì thế tốt nhất là mua cái mũ tua hay bẻ một cái cành cây (trong sa mạc rất khó tìm, nên thủ trước một cái đuôi ruồi giống như đuôi ngựa) phe phẩy trước mặt. Đem theo thuốc đuổi ruồi không những vô ích mà còn nguy hiểm, chẳng khác gì cho ruồi uống “love potion”, uống thuốc mẫn sinh. Cũng vì loại ruồi bu mắt, bu miệng mà người Úc có tật là nói không mở miệng lớn. Giản dị lắm. Nếu há miệng to ra mà nói thì ruồi nó cho ăn. . . gói liền. Điểm này rất đúng. Ngoại cảnh đóng một vai trò khá quan trọng trong giọng nói và cách nói của từng địa phương. Dân vùng bão cát sa mạc nói ngậm miệng để không bị cát bay vào miệng nên giọng nói có âm hưởng giọng mũi. Dân vùng biển Việt Nam thường cho là có giọng nói nặng. Vùng biển gió lồng lộng, giọng nói không nặng thì bị gió thổi bay đi mất (!), bị “cuốn theo chiều gió”. Vì vậy khi nói chuyện với một người Úc thấy họ lắc đầu quày quạy thì biết gốc gác của họ ở vùng sâu vùng xa. Những người này gọi là “*red back*” ở Mỹ gọi là “*red neck*”. Dân “ruộng” ở Úc vì nắng quá thường ở trần phơi lưng ra nắng nên có “*red back*” còn dân “ruộng” ở Mỹ làm việc ngoài đồng nắng, có mặc áo, cúi xuống làm, chỉ có cái cổ phơi ra nắng, nên bị “*red neck*”. Tuy nhiên, không phải dân Úc nào cũng là dân ruộng lắc đầu quày quạy đâu, chỉ có dân “*red back*” mà thôi. Phần lớn dân Wallaby (tên gọi người Úc lấy theo tên con thú *wallaby*, một loài *động vật có túi* thuộc họ kangaroo) rất thân thiện và hiếu khách. Như thế người Việt ở Úc bây giờ là dân Wallaby gốc Việt. Từ Wallaby này rất quan trọng nên ta thử dùng tiếng Việt để học từ

Wallaby này cho dễ hiểu và dễ nhớ. Wallaby có gốc wa-, va- có nghĩa là *bao, bọc* liên hệ với *ví* (cái túi), *vào* là một loại hào (hào, nghêu), một loại ốc “bọc” có nghĩa tương đương với bào ngư; *vách* (là *wall*, là cái tường bao quanh hàm nghĩa bao bọc,); *vây* (bọc quanh), *vỏ* (cái bọc), *vớ* (cái bao chân)... Phải nữ có cái *ví* (tiếng lóng), Anh Pháp gọi là “*vag-*” (gọi tắt của *vagin, vagina*) biến âm với *bag*. Theo w= h như *wa = hoa, hò* (San Wa = Tam Hoa, Tam Hòa, Ai Wa = Ái Hoa), ta có *wal-* = *hào, hầu, hồ* (cái túi như *hầu bao, hồ bao*). Wallaby có gốc wal- cùng gốc với “*wallet*”, cái ví, cái hầu bao, cái túi, cái bọc. Con wallaby là con có cái “*wallet*”, có cái bóp, cái bọc. Một loài động vật có túi khác tên là *wallaroo* cũng có cái “*wallet*”. Dân Wallaby có cái “*hầu bao*”, cái *wallet* đầy tiền bạc thành thử rất hiếu khách, thường là những ‘ông bầu’, “*bà bầu*” Wallaby. Dân Wallaby gốc Việt cũng vậy. Người Việt tị nạn ở Úc sau nhiều năm cần cù, lao khổ giờ đã có cái hầu bao đầy “*Áp Đại Lợi*”. Dân Việt tị nạn Úc Đại Lợi giờ đã là dân Wallaby có cái *wallet* đầy áp tiền bạc. Dân Việt Úc Đại Lợi là dân “*Ví Đầy Áp Đại Lợi*”. Điều này giải thích tại sao đồng bào Wallaby gốc Việt rất hiếu khách, đều là những ông bầu, bà bầu, những mạnh thường quân đầy nhiệt huyết, đầy hảo tâm. Ban tổ chức đại hội kỳ này cũng như ban tổ chức ra mắt sách cho chúng tôi là những ví dụ điển hình.

Một điều cũng cần để ý nữa là khi mua hàng coi chừng bị hớ vì cái tật lác đầu này của người Úc. Hàng hóa ở Úc so với nơi khác không được rẻ, nhất là vào mùa mùa lễ vui chơi này và ở ngay khu du lịch. Và lại dân Wallaby có cái *wallet* căng phồng tiền bạc thì tiền bạc này lấy ở đâu? Hiển nhiên tiền bạc này một phần moi từ *wallet* của du khách. Tới Úc cũng cần mang theo một vài thứ lặt vặt tối cần để xử dụng hàng ngày, những thứ này chỉ dùng riêng ở Úc như một cái converter đổi điện từ 220 volt qua 110 volt.

Chưa dự đại hội nhưng tôi đã có cảm giác chắc chắn là mình sẽ có được một dịp họp mặt vui vẻ, thoải mái đầy tình thân. Ban tổ chức đã làm việc hết mình. Chu đáo hơn bất cứ đại hội nào mà tôi đã tham dự từ trước tới nay. Ban tổ chức lo cho tham dự viên từng li từng tí. Hãy lấy một ví dụ là một việc làm thật nhỏ nhưng đã nói lên thật nhiều. Tôi chưa thấy một người nào trong ban tổ chức của bất cứ đại hội nào đưa cho các tham dự viên số điện thoại di động của mình để trong những trường hợp khẩn cấp có thể liên lạc được như bác sĩ Liêu Vĩnh Bình đã làm trong kỳ đại hội này. Lần đại hội ở Pháp, gia đình tôi và hai gia đình bác sĩ khác bị mắc kẹt tại phi trường vì bị người tổ chức tour bỏ quên, tìm điện thoại liên lạc lung tung mà chẳng tìm được nhân viên của tour có bổn phận đón chúng tôi..., cuối cùng liên lạc được họ bảo đợi thêm một giờ nữa nếu không thấy người đến đón thì mượn taxi về khách sạn rồi họ trả tiền. Cuối cùng ba gia đình chúng tôi phải mượn taxi về tới khách sạn thì đã gần nửa đêm, lỡ mất buổi họp mặt khóa. Tên tài xế taxi đòi tiền, người tổ chức trả chậm trễ, nên tên tài xế sỗ ra hàng tràng “*tiếng... Tây... thuộc địa*” ngay trước mặt bao nhiêu tham dự viên, thật là xấu hổ.

Ngày sửa soạn lên đường, hành lý mang theo là cả một vấn đề. Đi theo tour hành lý bị giới hạn vì thùng xe buýt có sức chứa giới hạn. Phải mang một bộ tuxedo, một bộ khăn đóng áo dài gấm cho buổi trình diễn của Ca Đoàn Áo Trắng, một bộ vest để thuyết trình, một cái áo vest thể thao mặc thường nhật, một cái áo khoác ngoài dùng cho mọi thời tiết, một đôi giày đi với bộ tuxedo, một đôi giày thường, một đôi sneaker, một đôi giày đi ngoài bãi biển... nhưng quan trọng nhất là phải mang theo một mớ sách để ra mắt sách.

Lúc ra phi trường, nhân viên hãng máy bay kỳ này cân và đo cả hành lý xách tay. Hành lý xách tay quá khổ hay thừa ký phải đem đi gửi hay bỏ bớt lại. Dĩ nhiên là hai cái xách tay của tôi thừa cả chục ký vì toàn là sách. Nhân viên phụ trách đã trình lên thượng cấp nhưng may mắn nhờ đi với tour nên tôi không bị bỏ bớt đồ lại. Máy bay dừng lại nghỉ ở Fiji một hai giờ. Dân Fiji về thăm nhà vào mùa lễ nên mang nhiều quà cáp, người nào cũng lễ mễ ôm đầy tay. Đây là lý do tại sao nhân viên hãng máy bay cân đo cả hành lý xách tay.

Với số điện thoại di động của bác sĩ Liêu Vĩnh Bình trong ví và quyển thơ Mộng Còn Say mới ra lò của bác sĩ Đặng Huy Lưu vừa gửi tặng trong túi áo khoác ngoài, tôi sẵn sàng chờ bước vào máy bay. Lên đường.

Gần trưa ngày thứ năm 23 tháng 12, chúng tôi đến Sydney. Vượt qua đường ranh thời gian quốc tế, mất một ngày. Phi cơ đến phi trường quốc tế Sydney đúng giờ giấc. Chuyến bay thật thoải mái. Nhân viên hướng dẫn địa phương chờ đón đưa chúng tôi về ở khách sạn Sofitel Wentworth Sydney ở đường Phillip. Tắm rửa, nghỉ ngơi. Hai giờ chiều hướng dẫn viên địa phương dẫn chúng tôi thả bộ đi một vòng định hướng những vùng chung quanh khách sạn. Sofitel rất tiện lợi có thể đi bộ đến những tụ điểm nổi tiếng của Sydney. Tôi chỉ vẽ bản đồ ghi nhớ trong óc những nơi mình thích như vùng bến cảng, vườn Thảo Mộc, Bảo Tàng Viện Sydney (ở ngay sát cạnh hotel), Thư Viện... Đường đi bộ thật dễ nhớ. Cứ thả dõc là đi tới bến cảng, bờ biển. Nước chảy xuôi dòng. Dĩ nhiên người hướng dẫn viên không quên đưa các bà đến những nơi mua sắm. Dừng chân khá lâu ở những tiệm bán sản phẩm địa phương như ngọc opal, những sản phẩm may mặc bằng lông cừu thượng hạng... Chỗ nào họ cũng biết là phải đãi đằng các ông cho chu đáo để có thể cảm chân các bà ở lại lâu hơn. Có chỗ ngồi thoải mái sang trọng lịch sự cho các ông. Có nước, có rượu, bia Úc, có bánh kẹo, có phim ảnh và có thuyết trình viên giải thích về những sản phẩm đặc thù địa phương giúp cho các ông thấu hiểu được cái đẹp và giá trị của món hàng. Nên khi thấy các món hàng này trên người các bà, các ông không còn thấy chúng là những thứ rườm, rẻ tiền, cảm thấy hãnh diện lây và hăng hái làm việc thêm. Tôi học bài học về opal lần này là lần thứ hai. Lơ đàng nghe, mà thấy thấm hơn lần đầu nên thấy mấy món họ đãi đằng ăn thấy ngon miệng và đã khát hơn.

Opal chỉ là một thứ giao hay keo (gel) silica đọng lại trong các kẽ đất đá lâu ngày kết tinh lại mà thành (gel = giao, theo  $g=c=k$ , /gieo/ = keo). Một vùng rộng lớn nội địa Úc ngày xưa là biển, những trầm tích rất thích hợp cho sự cấu tạo thành opal. Một vài trường hợp hiếm hoi, có những địa khai (fossils) hóa opal, silica thay thế lớp vỏ sò ốc hay xương động vật khởi sự từ thời khủng long. Một trong những bảo vật quốc gia quý nhất của Úc là con vật gần giống như khủng long pliosaur đã opal-hóa tên là Eric, sống cách đây 120 triệu năm (plio-, pleo, gần như và -saur có nghĩa là thằn lằn, -saur chính là Việt ngữ sấu. Cá sấu là một loại thằn lằn, liên hệ với khủng long) (Khai Quật Kho Tầng Cổ Sử Hùng Việt). Pliosaur là loài bò sát sống dưới nước có đầu nhỏ, cổ dài, đuôi ngắn và bốn chân giống như bốn cái bơi chèo. Màu sắc huy hoàng của opal là do sự khúc tán của ánh sáng trắng trên những tinh thể hình cầu tròn silica giống như hiện tượng cầu vồng hay chất dầu trên mặt nước. Opal có màu đỏ cam đất giá nhất. Nước Úc ngày nay sản xuất hơn 95% opal trên thế giới.

Xế chiều chúng tôi trở về khách sạn. Bà xã lo chọn những optional tours và hoạch định những free time ở Sydney. Sau đó chúng tôi đi tham quan khách sạn. Sofitel Wentworth Sydney là hậu duệ của khách sạn vương giả Wentworth ngày trước. Cũng vào dịp lễ giáng sinh này, trước đây, nữ tài tử mà chúng tôi yêu thích là Audrey Hepburn, trong lúc viếng thăm Sydney, đã lưu lại khách sạn này, chào mừng lễ giáng sinh tại đây. Hoàng tử Philip, Duke of Edinburgh, cũng dừng chân nơi đây vào năm 1967. Tháng 11 năm 1969, ba phi hành gia Hoa Kỳ, những người đặt chân đầu tiên lên mặt trăng, cũng để lại dấu chân tại khách sạn này. Công nương Diana cũng đã từng dự đại tiệc dạ vũ nơi này, vân vân và vân vân.

Buổi tối chúng tôi dự tiệc chào đón tại phòng ăn sang trọng của khách sạn. Một bữa ăn Tây hòa đồng với nghệ thuật nấu ăn Úc thật tuyệt vời.

Sau đó anh chị Liêu Vĩnh Bình ghé thăm và đưa chúng tôi ra ngoài bến cảng hóng mát. Một tình cờ thú vị là con tàu hải du lớn nhất thế giới Saphir Princess chờ được cả chục ngàn du khách vừa ghé Sydney hôm qua, sửa soạn

rời bến. Sydney đốt pháo bông tiễn biệt. Quả thật nghệ thuật móc túi du khách của dân Wallaby đã tới mức thương thừa. Mình cũng được vui lây. Cứ nhận vợ là họ đốt pháo bông tiễn người đi và chào mừng người đến là mình.

Chúng tôi ngồi ở dãy quán ăn ngoài trời sát bờ nước ngắm cảnh. Anh Bình đeo collar vì bị whip lash vì lo cho đại hội nhiều quá, phải giữ cho cổ đỡ đau để còn có thể nhìn thẳng vào cử tọa mà đọc diễn văn khai mạc đại hội. Chị Bình trông trẻ đẹp hơn. Chúng tôi vì đã ăn no nên chỉ uống nước. Anh Bình “chia cơm xẻ áo” nên sót cho tôi một miếng thịt mà anh bảo là thịt kangaroo. Tôi nghi ngờ. Gần đến ngày khai mạc đại hội rồi, với cái cổ đeo collar thế kia mà anh còn dám gọi ăn món thịt kangaroo nữa thì. . . đáng nghi lắm. Tôi không từ chối lòng tốt của anh. Thịt kangaroo thật hay giả thì đêm nay tôi sẽ biết rõ.

Khi trở dậy, bước ra khỏi giường, việc đầu tiên tôi biết ngay là cái tiệm ăn tối hôm qua bán thịt... đuôi kangaroo giả cho bác sĩ Lưu Vĩnh Bình. Treo đuôi kangaroo bán thịt bò. Ngày hôm nay thứ sáu 24, chúng tôi đi ngoạn cảnh Sydney. Buổi sáng ăn điểm tâm ở Garden Court Restaurant. Món ăn Âu Mỹ, Úc và đặc biệt nhất là có thức ăn điểm tâm Nhật thay vì Tàu. Điều này cho thấy du khách Nhật lưu lại khách sạn này rất đông và người Nhật đi du lịch học hỏi thế giới và mua sắm nhiều nên có một sức mạnh du lịch rất mạnh. Đến đâu họ cũng được chiêu đãi tận tình. Đã nhiều nơi đi qua, họ cứ tưởng tôi là người Nhật nên xỏ tiếng Nhật ra chào đón tôi. Họ chào Ko-ni-chi-wa, tôi chỉ mỉm cười đáp lại “Không nói chi a”. Nói tiếng Việt mà họ cũng hiểu. Tôi còn nhớ, hồi nhỏ, nghe bọn lính Nhật đến Việt Nam thường nói là “*con gái dô tô cà, bà già dô tô nay*”. Đồ ăn điểm tâm Nhật có cơm, canh tương miso, các loại dưa như dưa leo, củ cải, mớ non, rong biển..., thịt cá, mấy thứ muối gia vị rắc vào cơm. Lấy một quả trứng, khi đập bóc vỏ thì ra trứng còn sống nguyên. Người Nhật thích ăn trứng sống. Họ đập trứng sống vào canh hay dùng làm nước chấm. Từ khi có nạn trứng bị nhiễm trùng E. coli, tôi đã phải bỏ thói quen ăn trứng ốp-là, trứng lòng đào, trứng gà soda kiểu Pháp, nên dĩ nhiên không dám đụng tới trứng sống kiểu Nhật này. Tôi phải nhờ người bồi đi luộc trứng.

Ăn xong, lên đường đi thăm Sydney. Xe bus chở chúng tôi đi qua những khu chính của Trung Tâm Sydney: Khu The Rocks, Circular Quay, The City Center gồm cả Botanic Garden và The Domain, phía Tây có Darling Harbour, về phía đông là Kings Cross, Darlinghurst và Paddington.

The Rocks và Circular Quay là khu cổ nhất của Sydney. Circular Quay còn gọi theo đúng hình dáng của nó là Semi-Circular Quay là nơi “chôn nhau cắt rốn” của Úc. Tháng giêng năm 1788, Đệ Nhất Hạm Đội của Anh cập vào đây, đổ lên những tội phạm cùng quân đội và nhân viên. Thuộc địa Anh tên New South Wales thành hình. Ngay sát bên Circular Quay là The Rocks (dĩ nhiên nơi đây vốn là những tảng đá lớn).

Ngày xưa The Rocks là khu ổ chuột, quán bán rượu, bài bạc, dĩ điểm, băng đảng. Ngày nay The Rocks đã được chùi rửa, đánh bóng sạch sẽ, là nơi khách thăm viếng để tìm lại “hình bóng cũ và hương xưa”. The Circular Quay và the Rocks là tụ điểm của dân Wallaby trong những ngày lễ lạc lớn như đêm giao thừa xem pháo bông. Darling Harbour ngày trước là thương cảng quốc tế và khu kỹ nghệ làm len sợi, ngũ cốc, gỗ và than đá. Về sau trở thành khu xuống dốc và được tân trang lại vào năm 1980. Đây là chương trình tái kiến thiết lớn nhất ở Úc. Tại đây có National Maritime Museum, Sydney Aquarium và Trung Tâm Hội nghị Convention Center, nơi Đại Hội Quốc Tế Y Nha Dược sĩ Việt Nam Tự Do kỳ 5 sẽ tổ chức, đây cũng có Chinatown. Kings Cross và Darlinghurst trước năm 1920 là khu băng đảng và tội ác. Kings Cross ngày nay là một thứ “Làng xã hàng quán cà phê văn hóa” và nơi đây vẫn còn khu Đền Đô. Người hướng dẫn viên cho biết mãi dăm ở Úc hiện nay vẫn còn là một nghề hợp pháp. Hàng năm vào khoảng tháng ba lễ hội Madri Gras của giới Gay và Lesbian tổ chức tương bừng ở đây. Paddington với khu Victorian terrace có những căn nhà cổ trang trí bằng những cổng, những rèm sắt nung mỹ thuật. Paddington cũng nổi tiếng với những tiệm ăn quốc tế, những phòng tranh ảnh và tiệm đồ cổ.



Ra ngoài phạm vi thành phố. Xe bus đưa chúng tôi đi đến bãi biển nổi tiếng nhất của Sydney là Bondi, thánh địa của dân yêu mặt trời, lướt sóng và là bãi phơi cau, phơi bánh dày, phơi mướp. . . Một Wallaby gốc Việt (muốn dấu tên) đã cho tôi một cái mẹo để nhớ cái tên Bondi này. Bondi là một bãi biển của giới trung lưu, chỉ có tiền mua quần che chỗ quý nhất, còn chỗ quý ít thì để hở, nói theo tiếng Anh là topless. Anh ta bảo Bondi (phát âm “Bon đai”) gần với âm Việt ngữ “Buồn đ’....”. Các ông nhìn các bà topless nên lom khom đứng nổi đuôi thành hàng dài như rồng rắn trước các nhà ngói rest room. Có nhiều ông phải xuống biển ngâm nước lạnh.

Trên đường về, chúng tôi được cho đi thăm khu nhà giàu và các nhà tài tử như Nicole Kidman... giống như đi thăm một vùng ở Hollywood, Hoa Kỳ.

Buổi chiều được tự do. Tôi đi thăm khu Thổ Dân Úc châu ở Australian Museum. Nơi đây trưng bày về đời sống văn hóa của những con người đầu tiên của Úc châu, từ Thời Mơ (Dreamingtime) qua thời bộ tộc, tới thời đòi quyền đất đai. Như đã viết, về hội họa, thổ dân Úc có có lối vẽ theo cái nhìn của con mắt quang tuyến X (X-ray painting) và lối hội họa hình chấm (dot). Sự liên hệ của hai lối vẽ này với chữ viết nòng nọc trên trống đồng nòng nọc, âm dương của đại tộc Đông Sơn giúp ta rút tía được nhiều điều quý hơn vàng cho nền văn hóa Đông Sơn lẫn văn hóa thổ dân Úc châu. Điểm này cho thấy thổ dân Úc Châu vào thời cổ từ Á châu đến Úc đã đến ở hay đi qua vùng Đông Nam Á. Ngược lại cũng cho thấy rõ trống đồng Đông Sơn với hai lối vẽ này còn ghi khắc lại dấu tích của một nền văn hóa tối cổ, cổ cả hàng chục ngàn năm của Á châu. Tôi cũng tìm được một vài tài liệu về ngôn ngữ Úc châu.

Sau đó chúng tôi trở về đi tản bộ dọc Circular Quay. Khi bóng chiều buông xuống, chúng tôi vào một tiệm ăn ngay bờ nước ở Vũng Campbells nhìn hoàng hôn xuống trên mái nhà Hát Nghêu và trên cái “Móc Áo (“Coathanger”) Cầu Cảng Sydney (Sydney Harbour Bridge).

Ngồi nhâm nhi ly rượu Úc, từ (Circular) Quay lại quay cuồng trong đầu óc tôi. Anh ngữ *Quay* (phát âm là Ki) liên hệ với Pháp ngữ *quai* (phát âm là ke), Anh ngữ *key* (như *Key West*), Carribean ngữ *cay*. Anh ngữ Quay chính là Việt ngữ *ki, kì*, Pháp ngữ *quai* chính là Việt ngữ *ke, kè, kè que*, Carribean ngữ *cay* chính là Việt ngữ *cây*. Bờ nước, bến thuyền nguyên thủy chỉ là một cái ki, cái kì, cái que cắm xuống nước để cột thuyền bè. Về sau, *quay, quai, cay, ki, kì* có thêm nghĩa là *kè, cử* chỉ cọc, cây đóng ở bờ nước để ngăn cản đất lở (làm bến thuyền) hay ngăn nước tràn bờ. Ta có từ đôi *quai đê* với quai = đê. Ta thấy rất rõ Việt ngữ đê là một thứ quai (Pháp ngữ).

Đêm trước Xmas năm nay hai vợ chồng chúng tôi sống “xa nhà”. Một mùa Noel không gia đình, không bạn bè. Chỉ có nhau. “Hai đứa” lại tìm thấy cái gần cận nhau nhất thuở mới quen nhau, của thuở hãy còn là vợ chồng son ngày nào, ở giữa một khung trời Noel rực rỡ của Sydney. Sydney Noel đang trao cho hai đứa tôi những món quà giáng sinh tuyệt vời. Sydney với thiên nhiên trời cao biển rộng thơ và mộng. Có một sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Sydney với những món ăn quốc tế thượng thừa. Sydney là một thành phố cảnh đẹp nhất thế giới, nhất là vào mùa lễ như thế này. Ăn xong, chúng tôi “bát phở” đêm Noel như ngày nào ở Saigon. Thả bộ loanh quanh bến cảng và “The Rocks”. Dĩ nhiên chúng tôi phải tìm đến xem cái dấu mốc lịch sử “tảng đá” “The Rocks”. Con đường Argyle Cut (*cut* chính là Việt ngữ *cắt*) đã được những phạm nhân chỉ dùng đục và búa đục xuyên qua những khối đá núi khổng lồ trong suốt 18 năm trời mới hoàn thành xong. Con đường chỉ dài có vài blocks. Không biết có phải vì lâu không đi bộ đêm hay vì rượu Úc có quá nhiều cồn không, mà tôi có cảm giác lao đao, có cảm tưởng như đang lội ngược dòng nước chảy siết. Xe cộ như muốn leo lên lều đâm vào mình. Một lúc sau, mới nhận ra là dân Wallaby, thần dân của Nữ Hoàng Anh quốc lái xe bên trái. Mình đi bộ bên phải và quen nhìn phải khi băng qua đường. Chúng tôi bèn chuyển qua đi bên trái cùng dòng xe chảy, quả thật thấy tâm thần mình êm xuôi thuận buồm xuôi gió ngay lập tức. Tại sao Anh quốc và các nước trong Liên Hiệp Anh lại thích lái xe bên trái nhỉ? Điều này, nếu muốn, ta có thể giải thích theo nòng nọc, âm dương, theo Dịch. Nữ Hoàng là

nòng, là âm. Đọc theo chữ nòng nọc, theo Dịch thì phía tay trái là phía âm, chiều từ phải qua trái, tức cùng chiều kim đồng hồ là chiều âm. Ví dụ thấy rõ nhất là ta lật bất cứ một quyển sách, một tờ báo nào ra, trang bên trái bao giờ cũng có số chẵn tức số âm và trang bên phải bao giờ cũng có số lẻ tức số dương. Trái là âm, phải là dương. Dân Úc theo Nữ Hoàng nên lái xe bên tay trái, theo âm, theo nữ là vậy.

Gần nửa đêm, chúng tôi trở về một quán nước bên bờ nước gần chân Cái Móc Áo nghỉ chân và chờ ngày Chúa ra đời. Bao quanh chúng tôi, dân Úc và du khách uống rượu như hũ chìm, họ tu rượu, tu bia, “tu hũ”, Toohey’s! (tên một loại bia Úc).

Đúng nửa đêm chúng tôi ôm nhau và thiên hạ cũng bắt chước làm theo. Bà xã tôi trao tặng cho một món quà Noel mà bà đã bí mật mua lúc nào tôi không biết. Tôi mở món quà giáng sinh ra xem. Một cuốn sách viết về thổ dân Úc châu. Trong có những hình khắc trên đá (petroglyphs), một thứ chữ viết cổ của thổ dân Úc châu nói riêng và của loài người nói chung. Mới liếc mắt nhìn qua vài hình ngữ tôi đã “nổi da gà”. Tôi đã thấy những dấu vết của nền văn hóa cổ Á châu, của nền văn hóa Đông Sơn, của loài người trên những hình khắc trên đá này. Những hình ngữ khắc trên đá mang dấu tích của chữ nòng nọc, thứ chữ cổ nhất của nhân loại, còn ghi khắc lại tuyệt vời trên trống đồng Đông Nam Á. Những hình ngữ khắc trên đá này rất cổ có thể có từ thời tân thạch. Để nghiên cứu chữ nòng nọc, tôi đã đi sưu tầm tất cả các hình khắc trên đá ở khắp năm châu bốn biển. Và giờ đây trước mặt tôi, những hình khắc trên đá của thổ dân Úc châu, những con người sống ở một lục địa cách biệt với những nền văn minh gọi là tân tiến khác có những hình khắc giống như trên trống đồng Đông Nam Á và nhiều nơi khác trên thế giới. Xin chia sẻ với độc giả vài ba hình ngữ căn bản ở đây.

.Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả *người nam, con trai, đàn ông* bằng hình cây nọc, cây cọc thẳng đứng.



*Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả người nam, con trai, đàn ông.*

Cây nọc, cọc hiểu theo nghĩa nguyên sơ nhất là bộ phận sinh dục nam (con trai gọi là thằng cu). Ta thấy rõ như ban ngày ý nghĩa này ruột thịt với Việt ngữ nọc là đực như heo nọc, cọc là cựọc. “*Quân tử có thương thì đóng cọc...*” (Hồ Xuân Hương). Nói theo Dịch thì nọc là dương, là mặt trời (như nọc obelisk của Ai Cập cổ biểu tượng cho tia sáng mặt trời, cho mặt trời, mặt trời có một khuôn mặt là số 1, có hình nọc đứng, ví dụ solo ruột thịt với sol).

.Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả *người nữ, con gái, đàn bà* bằng hình cái chuông úp, hình vòm:



*Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả người nữ, con gái, đàn bà.*

Cái chuông úp hiểu theo nghĩa nguyên sơ nhất là bộ phận sinh dục nữ (âm đạo, túi dạ con). Ta thấy rõ như ban ngày hình vòm có vòm liên hệ với wom-, womb (dạ con), với wom-, woman, đàn bà. Người Việt gọi nhà mái vòm

là nhà lồng. Lồng biến âm với l... Nói theo Dịch thì vòm là nòng, là vòm hư không, không gian, vòm trời, là khôn. Đàn ông là nọc dương, mặt trời, đàn bà là vòm không gian, vòm trời. Thổ dân Mỹ châu ở vùng Tây Nam Hoa Kỳ cũng có những hình khắc trên đá mang cùng một ý nghĩa nòng nọc này như thấy qua hình ngữ *làm tình*.



*hình ngữ làm tình khắc trên đá của thổ dân Mỹ châu ở vùng Tây Nam Hoa Kỳ* (Rick Harris, Easy Field Guide To Rock Art Symbols of The SouthWest, tr.15)

Hình ngữ *làm tình* này hiểu theo dân dã giang hồ Việt Nam thì chính là “nõ” trong “nường, chính là “con chim vào lồng nó chẳng muốn ra”. Câu ca dao “con chim vào lồng biết thườ nào ra” hiểu theo nghĩa tự do hiện nay mang nghĩa hiện đại. Nói theo nòng nọc, âm dương thì không có một ai lại đem ví con gái, đàn bà với chim.

Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả *Tứ Dân* (Four People). Hình dưới đây hiện nay được giải thích theo nghĩa duy tục là “bốn người đàn bà ngồi với bốn cây gậy đào đất”.



*Hình khắc trên đá của thổ dân Úc diễn tả Tứ Dân.*

Theo tôi, phải hiểu thêm một ý nghĩa nữa là bốn nhóm đàn ông (cây gậy, cây nọc phải hiểu là đàn ông) và đàn bà tức bốn đại tộc, Tứ Dân vì còn có hình vòng tròn đồng tâm ở giữa có một nghĩa là Trùng Vũ Trụ, Tạo Hóa, Mặt Trời–không gian.

Thổ dân Mỹ châu cũng có quan niệm loài người gồm có Four People ở bốn góc trời do Tạo Hóa sinh ra:



*Tứ Dân của thổ dân Mỹ châu.*

Quan niệm Tứ Dân này ăn khớp với chúng ta (nên nhớ thổ dân Úc và Mỹ châu có gốc hay đã đi qua Đông Nam Á). Họ Hồng Bàng bao gồm có Tứ Dân ở bốn phương trời ứng với Tứ Tượng (người Trung Hoa đã phỉ báng chúng ta nên gọi là Tứ Di, Tứ Man) (xem Giải Đọc Trống Đồng Đông Nam Á).

Còn nhiều nữa, tôi sẽ đề cập tới khi có dịp. Như thế ta thấy những hình khắc trên đá của thổ dân Úc mang ý nghĩa nòng nọc của Vũ Trụ giáo. Điểm này có đáng tin không? Dĩ nhiên đáng tin cậy. Thứ nhất là họ liên hệ với Đông Nam Á. Thứ nhì họ có ba vật tổ rắn mang ý nghĩa Vũ Trụ tạo sinh: Rắn Qui Đầu là rắn lưỡng hợp nòng nọc âm dương, Rắn thái cực, rồi phân sinh ra Lưỡng Nghi là Rắn Cầu Vòng, tức rắn ánh sáng thuộc lửa, dương và Rắn Nước là âm. Thứ ba họ có vũ trụ quan là những vòng tạo sinh (Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt). Thứ tư, tôi đã nói tới có sự tương đồng về ngôn ngữ và nghệ thuật vẽ theo con mắt quang tuyến và hình chấm trắng trời nòng nọc âm dương giữa họ giống và người Đông Sơn, v, v...

Ở đây ta cũng thấy rõ cái ý niệm nòng nọc âm dương nền tảng của Vũ Trụ giáo của Dịch có thể đã manh nha từ thời Tân Thạch vì thế quan niệm này còn lưu lại trong tất cả những nền văn minh tiến hóa sau này, nhất là trong những nền văn minh theo Vũ Trụ giáo và Mặt Trời giáo.

Và ta cũng thấy thổ dân Úc châu có một nền văn minh tối cổ, thế mà từ trước cho mãi tới năm 1967, người Úc vẫn coi họ là cây cỏ, là muông thú chứ không phải là người. Thật là một điều đáng xấu hổ.

Hy vọng các nhà văn hóa Úc gốc Việt hiện đang sống tại Úc châu đem văn hóa cổ Á châu của mình, nhất là Vũ Trụ giáo, Mặt Trời giáo tức Dịch học khai quật lại nền văn hóa cổ của Thổ Dân Úc châu. Mời nhìn thoáng qua, ta đã thấy văn hóa Thổ dân Úc châu có những nét giống nền văn hóa Đông Sơn. Những con cháu Thổ dân Úc và người Úc da trắng hiện nay đang diễn giảng nền văn hóa cổ của Thổ dân Úc một cách sai lệch và chưa tới. Ví dụ như đã nói ở trên, hình khắc hình bốn người đàn bà hình vòm trời và bốn cây nọc ở cạnh bên phía tay phải được giải nghĩa là "bốn người đàn bà ngồi bên bốn cây gậy đào đất". Thật ra cây gậy có nghĩa là đàn ông và để ở phía tay phải cũng nhấn mạnh cây gậy là cây gậy dương, là nọc, cọc chỉ đàn ông (phía tay phải là phía dương). Bốn nhóm đàn bà và đàn ông này được xếp theo hình chữ thập ngay ngắn hàng ngang có chủ ý, ta phải hiểu là Tứ Dân ứng với tứ tượng, tứ phương, bốn hướng dương của vũ trụ (đàn bà đào đất sao lại ngồi ở vị thế bốn phương như thế?). Ở giữa có hình hai vòng tròn là Trùng Vũ Trụ, mặt trời sinh tạo đĩa tròn nằm trong vòng tròn không gian tức Thái Cực, Lưỡng nghi, càn khôn. Vũ trụ, càn khôn sinh ra Tứ Tượng, con người ở tứ phương tức Tứ Dân ứng với Tứ Tượng. Chúng ta cũng có thể dùng các nền văn minh thờ mặt trời như Ai Cập cổ và của các thổ dân Mỹ châu để giải nghĩa văn hóa Thổ Dân Úc (và ngược lại). Ví dụ hình Nữ Thần Vòm Trời Nut của Ai Cập cổ có hình vòm trời ruột thịt với hình ngữ đàn bà của Thổ dân Úc hình vòm trời và Thần Đất Keb (hay Geb, theo biến âm k=c=g) có bộ phận sinh dục nam hình cây cọc, cây nọc dựng đứng ruột thịt với hình ngữ đàn ông hình nọc của Thổ dân Úc châu. Keb chính là Việt ngữ Kê (que nhỏ) ke (que), kè (cọc cắm ở bờ nước), kì (cây, vùng đất dương, núi hình nọc như núi Kì). Núi nọc, núi kì biểu tượng cho Đất thế gian, Kì Dương Vương là vua Đất Thế Gian của Việt Nam...



*Nữ Thần Bầu Trời Nut và Thần Đất Keb (Geb) của Ai Cập cổ.*

Hình Nữ Thần Bầu Trời Nut và Thần Đất Keb ruột thịt với hình khắc trên đá diễn tả đàn bà và đàn ông của Thổ dân Úc. Trời Nut và Đất Keb giao hòa, giao hợp sinh ra vũ trụ muôn loài, hiểu theo nguyên sơ, nguyên thủy chính

là hình ngữ khắc trên đá nữ có hình vòm trời của Thổ dân Úc úp trên hình ngữ nam có hình nọc đứng của Thổ dân Úc châu. Hình Nữ Thần Bầu Trời Nut giao hợp với Nam Thần Đất Keb chính là hình ngữ khắc trên đá “*làm tình*” của Thổ dân Mỹ châu vùng Tây Nam Hoa Kỳ.

.....

Chúng tôi trở về tới khách sạn trời đã ngả về sáng. Cây Noel ở đại sảnh trông rực rỡ huy hoàng hơn sau giờ phút Chúa giáng sinh. Tôi bỗng chợt nhớ tới một ngày Giáng Sinh trước đây, Audrey Hepburn đã từng trang hoàng một cây Noel ở khách sạn này. Hình như, có một bóng dáng thon gầy trang đài, thanh cao đầu đây. Mùi hoa thơm phảng phất trong gió sớm...

Cây Noel ngày nay người Tây phương theo Thiên chúa giáo hiểu theo một ý nghĩa nào đó nhưng nó có nguồn gốc sâu xa từ Cây Đồi, Cây Vũ Trụ, Cây Tam Thế của một tín ngưỡng tối cổ của loài người là Vũ Trụ giáo, Mặt Trời giáo. Cây Đồi, Cây Vũ Trụ sinh ra Tam Thế, vạn vật, muôn loài, sinh ra con người nguyên khởi, tổ mẫu hay tổ phụ của loài người. Như đã biết, theo truyền thuyết và cổ sử Mường Việt, chúng ta theo duy âm, Cây Si (cùng họ Cây Đa) sinh ra người đàn bà đầu tiên, Mẹ Đồi của nhân loại và là cũng Tổ Mẫu của Mường Việt là Dạ Dàn, diễn tả bằng hình người đàn bà ngồi ở tư thế sinh con hai tay giơ cao lên đầu mang hình ảnh Cây Đồi. Cây Giáng Sinh trang trí trong ngày Chúa sinh ra đời cũng mang hình ảnh của Cây Đồi, Cây Vũ Trụ sinh ra Chúa Jesus, một đấng Chúa Tể của loài người. Chúng ta theo duy âm, theo mẹ, mẫu hệ nên chọn cây đa, cây si mang âm tính có vòm cây hình vòm không gian, vòm trời, có rễ phụ treo lòng thòng từ cành buông xuống trông rất âm u, có lá là... *lá đa* (!) (vì thế sau này thời phụ quyền, chúng ta thường nhìn cây đa dưới con mắt “quá âm”, coi cây đa là loại cây có âm hồn, là ma quái nên hình ảnh cây đa gắn liền với ma quỷ như thấy qua câu ca dao *Gió đánh cành đa, Gió đập cành đa, Thầy tưởng là ma, Thầy ù thầy chậy...*), trong khi đó, Tây Phương, theo duy dương, chọn một loại cây mang dương tính có chóp nhọn, cây có hình mũi mác, cây phi lao hay các loài thuộc họ cây thông có hình tháp, chóp nhọn mang dương tính liên hệ với dương, mặt trời (Chúa là Chúa Trời, có một khuôn mặt thay thế mặt trời) làm cây giáng sinh, một hình bóng của Cây Đồi, Cây Vũ Trụ.

Khi leo lên giường, tôi nhủ lòng phải cố gắng ngủ vài ba tiếng để lấy sức cho ngày tới, nhưng lại sợ ngủ quên nên phải gọi dặn nhân viên khách sạn gọi điện thoại đánh thức dậy sớm. Tám giờ sáng, chúng tôi khởi hành đi thăm “Hai Chị Em”.

Nhân viên khách sạn đánh thức dậy, mắt còn cay. Trời hình như chưa sáng. Không phải vậy. Hôm nay trời nhiều mây mù. Ăn sáng đã chiến để kịp lên đường đi thăm “Ba Chị Em” ở vùng công viên quốc gia Núi Lam Bue Mountain. Xe lăn bánh, người hướng dẫn du lịch báo tin không vui là hôm nay trời nhiều mây và có thể có mưa trên vùng Núi Lam nên có thể sẽ không thấy gì ngoài... mây mù. Hy vọng trời về trưa sẽ quang đãng. Đây là một kinh nghiệm du lịch đau thương. Nếu muốn đi chơi núi hay biển thì không nên mua trước phải đợi tới ngày hôm trước dự định đi, xem tình hình thời tiết ra sao rồi hãy mua vé.

Trên đường đi chúng tôi ghé lại công viên nuôi thú Featherdale Wild Life Park. Ở đây nuôi đủ các muông thú lạ của Úc châu để du khách có dịp được nhìn tận mắt và được nâng niu trong tay như hình bà xã tác giả ôm một chàng ... wallaby trong tay thấy qua hình logo của bài viết. Tác giả cũng có dịp cho một kangaroo ăn rau.



Buổi trưa chúng tôi đến Công Viên Quốc Gia Núi Lam. Trời vẫn còn mù sương. Giá lạnh. Cả một vùng núi đồi trùng điệp trông như một bức tranh thủy mặc Trung Hoa. Có một chút Đà Lạt đó đây. Rừng cây bạc hà cao vút. Mùi tinh dầu thoang thoảng trong gió. Có một chút hương trầm Đồng Tháp Mười. Blue Mountain có màu lam là màu của tinh dầu cây khuynh diệp tỏa ra trong không khí. Mùi bạc hà làm gợi nhớ lại mùi dầu khuynh diệp Bác Sĩ Tín. Mùi nổi nước xông thời thơ ấu. Quen biết với mùi dầu khuynh diệp Bác Sĩ Tín từ thơ ấu nhưng mãi đến khi dự học khóa luyện thi để lấy lại bằng hành nghề Y Khoa ở Hoa Kỳ vào năm 1975 tại trường Y Khoa Loma Linda, Riverside, California, tôi mới có dịp “kết thân” với bác sĩ Bùi Kiện Tín. Ông thường khoác túi vải, mặt quần soóc. Về sau ông về tỉnh Alhambra vùng Los Angeles mở tiệm bàn ghế. Ông rủ tôi về đây đầu tư vào địa ốc. Bây giờ Alhambra là một tỉnh xuống dốc, ông nói ông quen với viên thị trường ở đây, ông này giúp đỡ tôi đa về vấn đề tài chánh để vực dậy thành phố này. Dĩ nhiên tôi đâu có vốn như ông nên không nghe theo lời ông khuyên. Sau mấy chục năm, giờ đây Alhambra là một thành phố sầm uất của người Hoa và Việt.

Hôm nay trời lạnh nhiều mây mù nên Ba Chị Em quần mây đi ngủ, không thấy bóng dáng đâu. Theo truyền thuyết của Thổ dân Úc, ngày xa xưa, ở vùng này có một người pháp sư tên là Tyawan có ba người con gái là Meenli, Wimleh và Gunnadoo. Ở đây cũng có một con quỷ Bunyip, sống trong một cái hang sâu trong lòng đất. Mỗi lần đi đâu xa, ông thường dắt ba cô con gái sau bức tường đá ở vách núi, một nơi rất an toàn. Một hôm ông phải xuống núi chữa bệnh. Ông dắt ba người con gái sau vách đá ở đỉnh núi. Bỗng có một con rết lớn bò ra. Ba chị em hoảng sợ. Meenli cầm một hòn đá lớn ném đuổi con rết đi. Hòn đá lăn xuống vách đá rơi xuống vực tạo ra một tiếng vang rung động núi đồi (nơi này ngày nay gọi tên là Echo park). Rừng núi chuyển mình. Đỉnh vách đá chỗ ba người con gái ẩn nấp tách ra thành mồm núi. Con quỷ Bunyip thấy đất trời chuyển động cũng hoảng hồn chui ra ngoài hang. Nó thấy ba người con gái và nhào tới muốn hãm hại. Người pháp sư đang ở lưng chừng sườn núi trông thấy ba người con đang lâm nguy, ông bèn rút ra cây gậy phép làm bằng một khúc xương chỉ về phía ba người con rồi biến họ thành ba mồm núi đá. Con quỷ Bunyip không làm gì được bèn quay người chạy xuống núi rượt bắt người pháp sư. Lúc bị rượt đuổi dồn tới đường cùng, người pháp sư hóa phép biến mình thành một con cầm điệu (lyre-bird). Bốn cha con Tyawan đều thoát hiểm khỏi tay Bunyip. Khi Bunyip bỏ đi rồi, người cha tìm cây gậy phép để biến hóa ba người con gái đã biến thành ba đỉnh núi đá trở lại thành người. Nhưng tiếc thay ! Cây gậy thần đã mất. Vì thế, từ đó, từ năm này qua tháng nọ Ba Chị Em đứng mỗi mòn trông chờ cha biến mình trở thành người trở lại. Người cha pháp sư cũng năm tháng mỗi mòn đi tìm cây gậy thần bằng xương đã mất. Ngàn năm trông. Ngàn năm đợi. Ngàn năm chờ. Ngàn năm mong. Ngàn năm tìm. Ngàn năm kiếm. . . Giờ đây, thỉnh thoảng, giữa cảnh núi rừng tịch mịch, vang vọng lên tiếng kêu sầu thương của con cầm điệu như dạo lên một khúc nhạc thương tiếc ngàn đời...

Chúng tôi, đứng đó, im lặng. Lắng nghe. Nhưng không một tiếng đàn lyre nào dạo lên. Chỉ nghe tiếng sóng lam rì rào của biển “lá nghiêng” khuynh diệp ngàn trùng. Núi Lam. Trời lơ. Rừng xanh. Gió biếc...

Ăn trưa xong, đi loanh quanh con phố nhỏ dành cho du khách, chúng tôi được đưa đến một hí viện xem cuốn phim The Edge. Cuốn phim nói về khu Đại Vực (Grand Canyon) của Úc châu nằm trong vùng Blue Mountain. Người Úc tự hào cho rằng Đại Vực này còn vĩ đại hơn và đẹp hơn Đại Vực Grand Canyon của Hoa Kỳ. Theo tôi mỗi nơi có một cái vẻ vĩ đại và đẹp riêng của nó. Cuốn phim nói rõ cho thấy sự cấu tạo, sinh thái, muông thú cây cỏ và con người đã và đang sống nơi đây. Có những loài cây thông từ thời tiền sử còn sống sót lại, có những muông thú hiếm quý còn sinh tồn không còn thấy ở các nơi khác trên trái đất này. Dấu vết cho thấy thổ dân Úc đã sống ở đây từ khoảng 15.000 về trước.

Buổi tối chúng tôi dư bữa tiệc giáng sinh tại khách sạn đang ở là Sofitel Wentworth. Nhà hàng cố gắng tạo ra một khung cảnh giáng sinh vui tươi, đầm ấm cho những du khách “vô gia đình”. Cảnh trí Noel kiểu rất Tây (Sofitel mang dòng máu Tây). Ban nhạc sống chơi nhạc giáng sinh. Những tốp ca Xmas carols. Ăn theo kiểu buffet. Thức ăn đa dạng gồm những quầy deli, salad bar, seafood selection, hot carvery và quầy tráng miệng. Ngoài ra một lần nữa, cái sức mạnh du lịch của người Nhật đêm nay lại thấy qua quầy sushi và sashimi. Thức ăn nấu theo lối cổ truyền và đời mới theo kiểu hài hòa, hòa đồng thế giới của nghệ thuật nấu ăn mới của Úc. Những món cổ truyền của Úc vốn mang màu sắc cổ truyền của đất mẹ là Anh Cát Lợi rất giản dị, rất “mộc mạc”, không “thêm mắm thêm muối” gì cả, rất “nhạt nhèo” gồm có các món nướng, đút lò, steak, “ba món rau” (three vegees) “kinh nhật tụng” là khoai tây, đậu (bean hay pea) và cà-rốt với pies, đặc biệt là kidney pie. Những món đời mới sau này có pha thêm hương vị của những món ăn của những di dân đến từ vùng Đông Nam Á, vùng ven bờ Thái Bình Dương, vùng hải đảo cũng như của Hy Lạp, Ý, Liban... Những món đời mới mang những hương vị của vùng Đông Nam Á dùng những gia vị như xả, gừng, me, chanh, rau mùi, ớt, nước dừa, nước mắm... rất quen thuộc với khẩu vị của người Việt.

Người Úc sau năm 1964 thừa nhận thổ dân Úc là con Người không còn là cây cỏ muông thú nữa nên họ cũng đã khám phá ra những hương vị ngon miệng của thức ăn bản địa. Dần dà rồi “*quen mui nhớ mùi ăn mĩ*” [mui là môi. *Mui*, *môi* là phần che (miệng) như *mui xe*, *mui thuyền* là phần che xe, thuyền], họ chấp nhận, phát triển và đã đưa các gia vị của thổ dân vào nghệ thuật bếp núc đời mới của mình. Nhiều món thịt và đồ biển nấu với “cà chua bụi” “bush tomatoes” (akudjuna), còn gọi là “nho sa mạc”, là một thứ quả (berry) của cây Solanum centrale mang hương vị như cà chua xanh. Nhiều món đồ biển dùng gia vị “cây sim chanh” lemon myrtle (backhausia citriodora) mang hương vị như sả (lemon grass) (nhưng nếu cho nhiều sẽ có mùi vị bạc hà, nồng lã) như các món mực chiên giòn ướp lemon myrtle, món mì Ý linguine đồ biển ướp lemon myrtle, yabbie xào với gia vị lemon myrtle (yabbie là một thứ tôm nước ngọt, một món deli của thổ dân Úc. Yabbie tương tự như loài crayfish của Louisiana. Theo biến âm y=d=t và b=p, ta có /yab/- = tép. Cũng cần nói thêm là từ crayfish là từ của dân Mỹ gốc Tây ở Louisiana phát âm từ tiếng Pháp *crevette* (tôm nhỏ) theo giọng hamburger nên thành crayfish. Một đồng nghiệp ở Louisiana (anh Joseph Hùng Nguyễn, bây giờ đang ở Cali) nói với tôi là tới mùa, crayfish bò lổm nhổm như rươi ở vũng nước, muốn ăn chỉ cần ra xúc đem về cả bao bố. Ăn không hết, đào cái lỗ sau vườn đổ nước xuống làm thành vũng bùn rồi thả crayfish xuống, hàng ngày tưới nước như trồng rau muống. Khi có bạn phương xa tới chơi chỉ cần xúc crayfish lên làm món nhậu đãi khách khỏi phải đi đuổi gà. Dân Úc da trắng ngày nay cũng đã khoái ăn yabbie nên có nơi đã làm trại nuôi yabbie. Dân Việt khoái ăn tôm và yabbies để nuôi như thế, các Wallaby gốc Việt cũng nên thử đi vào nghề nuôi yabbies xem sao?... Có những món nấu với tiêu bản địa (“native pepper”) hay tiêu núi (mountain pepper) có tên thực vật là Tasmania lanceolata như món fillet Kangaroo-tiêu núi với sốt macadamia, ăn với rau “bốn góc” warrigal spinach bản địa (tetragonia tetragonoides) và bánh nướng kiểu damper thơm, ngon, bùi, béo ngậy vì làm bằng các hạt cây bản địa xay thành bột, nhào làm bánh rồi nướng

trên than hồng. Cũng nên biết hạt macadamia là một thứ hạt ngon vào hạng thượng đẳng có gốc cội ở Úc châu. Vì người Úc đã xem thường dân bản địa là cây cỏ nên đã coi thường món ăn cây cỏ tuyệt vời này của thổ dân vì thế họ đã để cho Hawaii khai thác, phát triển thứ hạt này thành một kỹ nghệ thực phẩm nhiều lợi nhuận, hiện nay Hawaii đứng đầu thế giới về kỹ nghệ chế biến thực phẩm hạt macadamia. Cũng như con emu của Úc, bây giờ Hoa Kỳ đang phát triển thành kỹ nghệ chăn nuôi cung cấp thịt ít cholesterol và loại cây bluebush của thổ dân Úc giờ Israel đã phát triển đem trồng đại qui mô để tiêu thụ và xuất cảng... Ngoài ra cũng có những món đặc sản của người Úc lưu đầy như những món cheese nổi tiếng làm ở King island như Roaring 40' Blue, King island Cheddar, Cheddar xông khói bằng một loại củi đặc biệt lấy ở đảo Tasmania, những món rượu nho Úc nổi tiếng của những vùng Terra Rosa ở Coona Warra, vùng Adelaide Hills, McLara Vale, thung lũng Barona (xin xem thêm bài viết về rượu Úc của thổ công Hồ Lãng Bạc)...

Dĩ nhiên không thể thiếu món thịt cừu tơ (lamb) nấu đủ loại theo lối cổ truyền hay kiểu hòa đồng thế giới.

Tráng miệng là những thứ bánh Tây thượng thừa rất Parisien, Buche de Noel, bánh Xmas, Xmas puddings, trái cây giáng sinh, chocolate giáng sinh, Xmas trifle, kem và sorbets. Có cả những món bánh ngọt mang hương vị thổ dân như lemon myrtle custard. Tuy nhiên, không thể không nếm thử một miếng bánh truyền thống Pavlova. Người Tân Tây Lan cho rằng Pavlova có nguồn gốc của họ chứ không phải của Úc (Tân Tây Lan và Úc thường nghiêng ngá, cạnh kề với nhau. Tân Tây Lan tự hào cho mình vốn dòng dõi thượng lưu Ăng-Lê và coi thường dân Úc vốn là dân lưu đầy. Chúng ta thường nghe kể câu chuyện châm biếm là một người Tân Tây Lan du lịch tới Úc, khi đến phi trường, nhân viên thuế quan thấy người này là dân Tân Tây Lan lại trông rất cô hồn, bèn tra hỏi “*trong quá khứ, ông có can dự vào một tội phạm nào không?*” Người Tân Tây Lan tỏ vẻ sững sốt trả lời: “*Ừa, bây giờ mà các ông còn đòi hỏi điều kiện tiên quyết là phải có tội ác mới được bước chân vào nước Úc hay sao?*”). Bánh Pavlova đã được làm ra để vinh danh nữ minh tinh vũ ballet Anna Pavlova. Trên mặt bánh phủ một lớp meringue làm bằng trứng trắng trứng, trên cùng là lớp trái cây tươi theo mùa, đặc biệt là những trái cây bản địa.

Sau khi ăn tráng miệng, ngồi nhâm nhi một ly cà phê thổ dân không có cafein pha bằng hạt rang của một loại cây wattle thuộc họ cây keo (acacia), thơm mùi hạt dẻ (hazel nut) và có chút dư vị chocolate. Cuối cùng kết thúc bằng ly trà Ăng Lê uống với mật ong Tasmania thơm mùi hoa rừng xứ Tasmanian devil.

Bữa tiệc chấm dứt bằng dạ vũ.

Ngày hôm sau là ngày 26 tháng 12, người Úc giữ truyền thống quê mẹ vẫn coi là ngày *Boxing day*, ngày các chủ nhân ông trao hộp quà cho gia nhân, người làm.

Chúng tôi cũng được tặng một món quà nhưng không có gói trong hộp, đó là được cho “nghỉ” xả hơi (free time) một ngày. Nhằm tránh phiền hà cho những người thân quen trong những ngày trước lễ Giáng Sinh đầy bận rộn, tiệc tùng, chúng tôi dành ngày hôm nay có free time đi thăm viếng các thân hữu ở Sydney. Xé chiều bác sĩ Liêu Vĩnh Bình đến đón chúng tôi xuống nhà hàng Bạch Đằng để dự buổi họp mặt với các thân hữu và ban tổ chức ra mắt quyển Tiếng Việt Huyền Diệu dự định vào sau ngày đại hội, để có dịp hoạch định chương trình.

Trên đường đi anh Bình cho biết ở Nam Dương bị sóng thần tsunami chết hàng ngàn người [tsunami có *tsu-* là quyền năng, thần năng, thần thánh, *tsu-* = thần và *-nami* có gốc na- (nã, lã) là nước liên hệ với *nam, nạm, nơm* có nghĩa liên hệ với nước, Thái Lan ngữ *nam pla* là “nước cá” tức nước mắm. Tsunami là “nước thần”, sóng thần).



Sau bữa ăn họp mặt, buổi tối, ban giám đốc đài Việt Nam Sydney Radio, anh chị Bảo, Yến và nữ phát ngôn viên Khiết Ngân có nhã ý dành cho tôi một cuộc phỏng vấn đột xuất để giới thiệu tác phẩm Tiếng Việt Huyền Diệu.



*Hình chụp tại phòng phát thanh Việt Nam Sydney Radio (ảnh của bác sĩ Liêu Vĩnh Bình).*

Buổi tối trở về khách sạn, xem truyền hình mới thấy trận hồng thủy với sóng thần Tsunami ở Nam Dương, Thái Lan, Tích Lan... thật khủng khiếp. Càng về khuya tin tức càng dồn dập với những cảnh kinh hoàng, tang tóc. Trong lịch sử loài người từ trước tới giờ đã có nhiều trận đại hồng thủy (ít nhất là ba bốn trận đại hồng thủy) đã xóa đi bao nền văn hóa cổ, đã làm mất đi những “mắt xích” văn hóa cổ đại của loài người, khiến cho nền văn hóa tối cổ của con người bị vỡ tung ra từng mảnh, bắn văng tung tóe, bị sóng nước cuốn trôi đi, bị những lớp bùn che phủ. Những trận hồng thủy cộng với thời kỳ tan băng giá đã nhận chìm xuống nước biển nhiều phần lục địa hay lục địa. Ở phương Tây các nhà khảo cổ học tin là có lục địa Atlantis bị nhận chìm xuống biển sâu. Ở phương Đông một phần lục địa dính liền với Đông Nam Á bị chìm dưới nước biển. Vào khoảng thập niên 60, James Churchward gọi phần đất bị chìm này là Continent of Mu có nghĩa là Continent of Mother Land, theo ông Mu là tiếng cổ Đông Á châu có nghĩa là Mother. *Mu* chính là từ *Mụ* của Việt ngữ. *Mụ* có một nghĩa là Mẹ như thấy qua tên chùa Thiên Mụ có nghĩa là chùa Mẹ Trời. Ông cho rằng tại vùng này xưa kia đã có một nền văn minh huy hoàng và là cái nôi của nền văn hóa thế giới ngày nay. Gần đây (1999) bác sĩ nhi khoa Stephen Oppenheimer trong cuốn *The Eden of the East* (Địa Đàng ở Phương Đông) cũng xác nhận như thế. Ngày nay phần lục địa Đông Nam Á bị chìm này được gọi tên là Sunda land. Trận hồng thủy thứ ba vào khoảng 8.000 năm TTL có thể là trận hồng thủy nói tới trong Thánh Kinh thường gọi là The Bible Flood (theo fl = bl = l, ta có flood = blood = -lood = *lụt* giống như Chúa Blời = Chúa Lời, ta cũng có thể coi f là f âm, (f)lood = -lood = *lụt*). Trong trận Hồng Thủy Thánh Kinh này có truyền thuyết ông Noah (tên Do Thái là Noakh) đóng thuyền cứu gia đình mình và một số muông thú để khỏi bị chết *lụt*. Tên Noakh, Noah chính là Việt ngữ Noác = Nác = Nước (thay k hay h = c). Có người đã so sánh ông Noah này với Vua Vũ trị thủy liên hệ tới Kinh Dịch của phương Đông. Ta cũng thấy rất rõ ông Vũ trị thủy là trị lũ *lụt* và tên Vũ có một nghĩa là Mưa liên hệ với Nước, Noah.

Theo dõi Tsunami cho tới gần sáng. Ngày hôm nay 27 tháng 12 bà xã tôi theo đoàn du lịch đi Cairns thăm Great Barrier Reef còn tôi ở lại để dự Đại Hội QTNVD sĩ Việt Nam kỳ 5 ngay từ buổi khai mạc. Bà xã tôi sẽ trở lại Sydney vào ngày 29 để lo liệu, chăm sóc, hỗ trợ và làm một thính giả trong buổi nói chuyện của tôi về đề tài Ý Nghĩa Những Hình Thuyền Trên Trống Đồng Đông Nam Á. Sau khi tiễn chân bà xã lên đường, việc chính yếu là tôi phải “dọn nhà” trước 12 giờ vì phải đổi qua khách sạn mới tự mình phải lo liệu lấy. Rất may là Luật sư Cung Đình Thanh và cậu con trai đến đón tôi đi ăn phở buổi sáng và giúp tôi dọn nhà qua khách sạn Marriotte ở gần ngay Circular Quay. Chúng tôi mượn khách sạn ở địa điểm này từ khi còn ở Hoa

Kỳ cốt ý phòng hờ nếu không muốn len chân vào đám đông thì đêm giao thừa Tây có thể thưởng thức pháo bông ngay ở

trong phòng mình. Dĩ nhiên là phải trả một giá đắt cho những phòng nhìn được cảnh pháo bông. Khách sạn tính thêm bốn mươi Mỹ kim một đêm so với các phòng khác. Buồn thay! Giờ đây luật sư Cung Đình Thanh đã là người thiên cổ. Anh là người hy sinh một đời cho Văn Hóa Việt. Anh là người có đầu óc cởi mở đã đón nhận và cho đăng những bài viết “không giống ai” của tôi về trống đồng, cổ sử và ngôn ngữ của tôi. Anh cũng đề nghị tôi viết một chương cho bộ Việt Học Toàn Thư của anh.

Bắt đầu từ buổi trưa tôi trở thành một chàng độc thân tại chỗ mà các người bạn Úc nói là có bằng MBA (Married But Available). Sau khi tắm rửa, nghỉ ngơi một chút xong, tôi rời khách sạn định thả bộ ra khu Nhà Hát Nghêu ăn trưa. Khi bước vào thang máy tôi đã thấy có một nhóm người Á châu. Tôi nhận ra ngay đây là những người Việt. Có mùi dầu Nhị Thiên Đường, Dầu Gió Xanh và mùi nước mắm Phan Thiết, Phú Quốc, Nam Ô hay Thanh Nghệ Tĩnh gì đó. Cách ăn mặc rất chỉnh tề nhưng trông thấy hầy còn bị đóng khung trong lớp vỏ áo quần, có người thắt cà vạt kiểu râu mực... Tôi tìm, muốn nhìn thẳng vào những đôi mắt đồng bào đó và muốn nói một câu chào. Nhưng những con mắt đều nhìn xuống chân hay nhìn vào một nơi xa vắng nào đó. Ngọt ngọt và thoáng thấy buồn vài ba phút cho tới khi cửa thang máy mở ra. Khi ra lobby tôi nhận ra có rất đông người Việt nói bằng một ngôn ngữ Việt rất khác với ngôn ngữ người Việt hải ngoại. Có nhiều người nói âm cổ Việt. Ở khách sạn này có rất đông người Việt từ trong nước xuống “tham quan” Úc châu trong khi ở Sofitel Wentworth không thấy một mống nào.

Đi tản bộ theo vòng cung Circular Quay hướng về phía nhà Hát Nghêu, tôi bước vào một tiệm ăn nằm đối diện Nhà Hát Nghêu tìm bữa trưa. Nhà Hát Nghêu gợi ý cho tôi gọi món trai (mussels) nấu bia với gia vị sim sả lemon myrtle. Ở Mỹ đã ăn nhiều con trai xanh Tân Tây Lan (New Zealand green mussels), giờ ăn thử món trai đen của Úc xem sao. Những lúc độc thân tại chỗ như lúc này tôi thích ngồi lơ mơ một mình, nhìn trời, nhìn đất, nhìn thiên hạ đi qua đi lại. Nhiều khi vợ được vài câu thơ vặt. Mỗi người nhất là các cô các bà ít nhất cũng thích khoe ra một thứ gì để cho người khác nhìn ngắm. Trời hôm nay nắng đẹp. Gái Wallaby và du khách đi thăm nhà sò thành thử nhiều người thích phơi cái hén... rón ra khoe. Hiện nay đang có thời trang rón. Những cái rón đủ kiểu, đẹp và xấu rụng rời tay chân như bầu bí rụng rón. Có những cái rón sâu đen ngòm như rón vũ trụ, rón biển, rón đất (nadir). Có những cái rón lồi quạ quít. Có những cái rón cáu bần đặng đầy bụi thời gian tr ông như đồ cổ. Có những cái rón có lẽ bác sĩ hay người đỡ đẻ lúc mới lọt lòng ra cất cuống nhau ngắn quá. Cuống rón rụng sớm nên bị sưng còn để lại những hột sẹo nổi cục trông như những cục bột bánh chè trôi nước nằm trong chén rón. Có những cái rón xúc dầu cù là đỏ hồng. Có những cái rón rắc kim tuyến lóng lánh. Có những cái rón đeo vòng vàng, bạc, đồng, đeo hột tòng teng, đeo bùa ngải. Một thống kê cho biết phái nữ đục rón đeo vòng, đeo khoen, đeo hột thì quá nửa cũng làm như vậy ở miệng trên và dưới. Những cái rón làm tôi gợi nhớ lại mình đã cất rón cho cả hàng ngàn các trẻ sơ sinh từ khi làm nội trú tại Bảo Sanh Viện Hùng Vương cho tới khi ra hành nghề, mở Bảo Sanh Viện ở Tam Hiệp Biên Hòa, ở nhà thương Hồng Ngự (Kiến Phong). Nhớ lần đầu lóng ngóng cột trên đầu những cuống rón trơn trượt những chiếc “nơ” cột theo kiểu cột nút chai rượu Champagne gọi là noeud de Champagne. Tôi ngày đêm thường nguyện cầu mong trong số hàng ngàn những trẻ sơ sinh do chính tay tôi nâng đỡ, cất rón, đưa vào đời có một vài em khi lớn lên trở thành những anh thư, anh hùng, những minh quân hầu cứu giúp cho dân tộc Việt Nam khốn khổ đọa đầy này. Mỗi lần sinh một em bé là tôi đem hết tâm trí và tâm hồn mình ra chăm lo. Bởi vì mỗi lần đỡ đẻ là tôi nhớ tới cái chết của chị tôi. Năm đó chị tôi sinh ở một nhà bảo sanh của một bác sĩ ở Qui Nhơn. Về nhà bị nóng sốt, trở lại thăm bác sĩ. Vị này nói không sao. Vài ngày sau chị tôi lên kinh sài, người uống cong lên khỏi mặt giường. Đem tới bệnh viện tỉnh mới biết chị tôi bị sài uốn ván tức phong đòn gánh vì bị nhiễm vi trùng tetanus khi cất rón. Cái chết của chị tôi đã đưa đẩy tôi vào

ngành y khoa. Lúc đó tôi đang ở nhà chị tôi. Khi chị tôi mất chỉ còn vài ba ngày nữa là tôi lên đường vào Nha Trang thi Tú Tài I. Tôi học rất khá, thường đứng nhất nhì trong lớp, được phần thưởng danh dự toàn trường do tổng thống Ngô Đình Diệm tặng. Vì cái chết của chị tôi nên tôi đã thi hỏng kì thi đó. Tôi học ban B, ban Toán vậy mà đã làm lộn một con toán rất đơn giản là giải phương trình bậc hai ( $-b/a$  lộn với  $-b/2a$ ). Cũng vì thi hỏng Tú Tài Việt này mà sáu tháng sau tôi xách đít đi thi Tú Tài Pháp và đậu ngay. Thế là tôi chuyển qua trường Pháp học. Trường Collège Française de Tourane không có ban Toán nên tôi đành học Tú Tài 2 ban Vạn Vật cho gần nhà. Vì có Tú Tài Pháp nên tôi thi vào APM (Année Pré-Médicale) bằng langue véhiculaire française nên mới lọt được vào trường Y Khoa Saigon một cách dễ dàng... Nếu mà đậu tú Tài Việt ban toán thì không thể nào tôi cạnh tranh nổi với các học sinh trường Việt học ban A vạn vật khi thi vào trường Y Khoa.

Có những cái rồn bôi kem chống nắng bóng dầu mỡ làm nhớ tới câu chuyện tiểu lâm nghe kể hồi nhỏ. Một cô gái lấy chồng, ngày nhĩ hi về nhà thăm mẹ. Mẹ ghé tai thăm thì hỏi. “Sao, đêm qua nó làm ăn ra sao”? Cô gái phụng phịu trả lời: “Anh ấy làm con tức cả bụng !” “Sao lại tức bụng ? Mẹ đã dặn đêm lễ cưới không được ăn nhiều”. “Không phải, anh ấy cứ ấy vào rồn của con, vừa *tức*... mình vừa buồn *cười* vì buồn nhột quá” (đúng là *tức cười*). Mấy hôm sau người con gái về thăm mẹ vẫn than bị tức bụng và tức cười. Bà mẹ chợt nhớ đến những lần ăn vụng với anh chàng bán dầu lạc (phụng) rong rất trơn tru, êm ái vì mỗi lần anh chàng ta đổ vào nửa ruộc dầu cho đỡ khô. Bà bèn bảo người con gái đến tối lấy dầu đổ vào rồn để cho dầu chảy xuống dưới tạo thành một chiếc “cầu tụt”. Mấy ngày sau cô con gái trở về nhà mẹ, hớn hờ nói với mẹ “mẹ cho con thêm dầu để phòng hờ, dầu nhà con sắp hết rồi”. Người mẹ hân hoan với hạnh phúc của con: “Ừ, gì chứ dầu thì tha hồ mà con lấy, lấy cả thùng cũng được, anh bán dầu gửi mẹ giữ hộ cả mấy thùng dầu, hai mẹ con tha hồ mà dùng”.

Ăn xong, hai con mắt rừ xuống buồn ngủ. Có lẽ vì nhìn nhiều rồn quá. Đúng hơn chắc vì đêm qua theo dõi Tsunami đến gần sáng.

Ra tới cửa tôi mới nhận ra mình bị hớ. Trên tờ giấy tính tiền, các nhà hàng ăn Úc đã tính tiền service và tiền phụ trội những ngày lễ tết rồi mà tôi quen thói như ở Mỹ còn cộng cho thêm tiền hoa hồng, tiền “tip” nữa. Đãng trí chắc cũng tại vì bị thôi miên bởi cái thời trang rồn.

Tôi rời quán hướng về Nhà Hát Nghêu định bụng tìm một chỗ vắng trong nhà sò nằm ngả lưng, hóng mát, đánh một giấc ngủ trưa trong tiếng hát nghêu ngao của một nghệ sĩ “ốc mượn hồn” nào đó.

Tìm được một chỗ vắng người ở một góc chái nhà Hát Nghêu, có bóng mát và gió biển lồng lộng. Tôi ngả lưng nằm xuống nhìn trời cao xanh ngắt, không một vệt mây. Có tiếng đàn vĩ cầm chơi với của một chàng nghệ sĩ lang bạt kỳ hồ nào đó. Những cánh buồm nhà hát căng gió, chiếc thuyền Opera như đang lướt sóng.

Những tiếng xô xao của đám người trần tục khiến tôi mở mắt thức dậy. Một giấc ngủ chơi với bay bổng, bênh bồng, phiêu bạt trên con thuyền buồm Opera lướt sóng gió. Con thuyền đã đưa tôi phiêu du vào một cõi bao la. Một giấc ngủ thần tiên.

Tôi thả bộ vào trong ngôi nhà. Nhà Hát Nghêu do kiến trúc sư Đan Mạch Jorn Utzon vẽ kiểu khởi sự từ năm 1950 nhưng không khả thi được vì vượt khả năng kỹ thuật thời đó và không đủ ngân sách nên đến năm 1966 Jorn Utzon từ chức. Mãi về sau mới hoàn tất bởi những người kế tiếp vào năm 1973. Nữ hoàng Elizabeth II khánh thành vào ngày 20 tháng 10 năm 1973. Phòng Utzon, đại sảnh tiếp tân biến cải từ mô hình chính gốc của

Utzon mới thực sự khánh thành vài tháng trước đây (9-16-2004). Nhà hát Nghêu trông như một con thuyền buồm lướt sóng. Mái cánh buồm hình vỏ sò dát bằng cả triệu miếng ngói. Nhà Hát Nghêu Opera hình chiếc thuyền buồm này đã gợi ý cho tôi chọn đề tài Ý Nghĩa Những Con Thuyền Trên Trống Đồng Đông Sơn để nói chuyện trong Đại Hội kỳ này.

Nhìn tấm poster quảng cáo đêm nhạc Opera tổ chức tại đây ngay vào đêm giao thừa Tây, tôi nghĩ, nếu đi nghe nhạc và xem đốt pháo bông ngay tại đây thì thật là lý tưởng, một kỉ niệm hi hữu, khó quên trong đời. Khi lại quầy bán vé thì được biết vé đã bán sạch gần nửa năm nay rồi. Tuy nhiên người bán vé vẫn lấy tên tôi để vào danh sách chờ, hy vọng vào phút chót có những người đã mua vé nhưng không tham dự được. Tôi ca bài con ca với con cừu tơ Úc, nói rằng mình đến từ Mỹ châu muốn được dự một đêm pháo bông New Year tuyệt vời ở Sydney để nhớ đời xứ sở của cô nàng. Nàng hứa để tên tôi vào hạng ưu tiên.

Sau một ngày nóng bức, mặt trời còn cao lơ lửng trên ngấn nước ở chân trời nhưng trông có vẻ như đang nôn nóng muốn nhảy xuống mặt biển tím.

Rời nhà Hát Nghêu, thả bộ mon theo con Đường Văn Nhân Sydney Writers Walk. Con đường chạy từ Trạm Hành Khách Quốc Tế ở phía Tây Circular Quay xuống bến Phà và Ga Xe Lửa chạy tới phía sân trước nhà Hát Nghêu Opera. Con đường có dát những tấm biển đồng thau khắc tên các nhà văn thơ Úc và các cây bút quốc tế đã từng sống hay đã viếng thăm Úc. Tấm bằng đồng khắc ghi tóm tắt cuộc đời, tác phẩm, trích dẫn một đoạn ngắn văn thơ kèm theo một đôi lời vinh danh tác giả. Có lúc tôi có cảm giác như đang đi trên con đường Walk of Fame ở Hollywood, có lúc tôi lại có cảm giác là đang đi trên con đường nghĩa trang với những tấm bia dát trên mặt lối đi và có khi lại có cảm tưởng đang đi trên một con-đường-thư-viện với những trang sách văn học Úc đang mở ra. Không cảm lòng được. Không thể nào không cúi xuống đọc.

Germaine Greer:

*“Úc châu là nơi sinh đẻ của tôi nhưng tôi không thể coi đó là sở hữu của riêng mình cũng như coi đó là nơi sinh quán bởi vì tôi không có quyền sống ở đó cho tới khi nào có được một hòa ước với dân bản địa. Tôi vẫn là một kẻ không nhà trên thế giới”.*

(Journal of the Plaque Year, 1988)

Robert Hughes:

*“Liệu người Úc có làm khác đi không nếu lịch sử của họ không phải khởi dựng từ chốn lao tù của không gian vô tận và tôi chắc là họ sẽ làm như vậy. Họ phải nhớ nhiều về chính lịch sử của họ”.*

(The Fatal Shore, 1987).

Kath Walker sau lấy theo tên bộ lạc của mình là Oodgeroo Noonuccal:

*“Mẹ có thể kể cho con nghe những chuyện tan nát cõi lòng, những chuyện mù quáng đầy hận thù.*

*Mẹ có thể kể cho con nghe những tội ác làm xấu hổ loài người.*

*Và những sai trái tàn bạo và những quỷ quyết chết người*

*Và những hãm hiếp, giết người, con trai của mẹ ơi,*

*Nhưng mẹ chỉ kể cho con nghe về những dũng cảm và tình khôi*

*Khi đời sống của người da đen và da trắng bện vào nhau,*

*Và con người kết hợp với nhau, trong tình huynh đệ.*

*Đó là những điều mẹ muốn kể cho con nghe, con trai của mẹ.*

(Son of Mine, 1984).

A.D. Banjo' Paterson:

*"Được làm một kẻ thất nghiệp thật là vĩ đại,*

*Và nằm dài ở tại Domain, rồi ngủ khi,*

*Và thức dậy vào mỗi ngày thứ nhì,*

*Và rồi lại ngủ khi trở lại".*

(It's Grand, 1902).

Văn hào Ý Umberto Eco:

*"Nước Úc không phải chỉ là một đối cực, tách rời xa mọi thứ mà đôi khi xa cách với cả chính mình".*

(L'Espresso, 1982).

May Gibbs:

*"Con người mạnh như gió, mềm dịu như dòng sông, nóng bỏng như mặt trời. Con người thì thảo như chim, độc ác như rắn. Con người có nhiều lớp da, lột xác nhiều lần. Khi tất cả các lớp da đã lột hết, con người trông giống như một con ếch tái xanh".*

(Tales of Snugglepoot & Cuddlepie, 1939).

Văn hào Mỹ Jack London:

*"Tôi thà là tro than hơn là cát bụi, một tàn lửa rực cháy trong lửa hồng hơn là một hạt bụi nằm nín trong tàn rụi khô cằn. Mục đích chính của con người là sống chứ không phải là hiện hữu. Tôi không phung phí ngày tháng đời mình để kéo dài chúng ra. Tôi sẽ tận dụng thời gian của mình".*

Văn hào Mỹ Mark Twain (Samuel Langhorne Clemens) đã từng viếng thăm Úc, sau khi đến Dunedin đã viết:

*"The People here are Scots. They stopped here on their way to heaven, thinking they had arrived" (Cư dân ở đây là người Scot. Trên đường đi tới thiên đường, họ dừng lại đây, tưởng rằng họ đã tới nơi).*

.....

Mặt trời đã lặn xuống biển. Ánh đèn lấp lánh sáng cuối con Đường Văn Nhân Sydney. Hy vọng một ngày nào đó, một nhà văn Úc gốc Việt hay một nhà văn Việt ở khắp nơi trên thế giới đã sống hay viếng thăm Úc châu có tên ở con đường này.

Hai chân đã muốn dừng nghỉ. Đĩa trai đen Úc châu nấu bia và gia vị xả chanh bản địa ăn buổi trưa thật nhẹ. Bụng đã báo giờ ăn.

Tôi đi tìm một quán ăn mang hương sắc bản địa.

Buổi sáng hôm sau tôi có hẹn với anh Phan Văn ở đài SBS để thảo bài phỏng vấn nói về tác phẩm Tiếng Việt Huyền Diệu của tôi dự định ra mắt ở đây sau ngày đại hội.

Mặc dù kế cận ngày đại hội, rất bận rộn, bác sĩ Vũ Ngọc Tấn, người bạn cùng khóa, cũng đưa hộ tôi tới đài SBS. Lâu lắm mới có dịp gặp lại Luật sư Lưu Tường Quang, chị Ngọc Hân và các nhân viên khác trong ban Việt ngữ của đài SBS. Tôi đã từng quen biết anh Phan Văn từ khi anh còn làm cho đài BBC, lúc đó tôi phụ trách mục giải đáp y học cho đài BBC. Làm việc với nhau nhiều qua điện thoại nhưng chừng hề gặp mặt.



*Phỏng vấn tại đài SBS.*

Bác sĩ Tấn lúc trở lại đón, tôi hãy còn trong phòng thảo, vì bận không chờ được, bác sĩ Tấn phải về. Tôi bị “mắc cạn”, Luật sư Lưu Tường Quang đã có lòng tốt ngồi hàn huyên với tôi cả buổi cho tới khi anh Cung Đình Thanh tới đón tôi. Thật là hiếm có một người có địa vị cao và rất bận rộn như anh Lưu Tường Quang mà đã bỏ cả buổi ra tiếp tôi.

.....

Khi trở về khách sạn, tôi nhận được message cho biết có người bỏ vé vì bận không tham dự được buổi hát Opera đêm giao thừa Tây tại nhà hát Opera nên họ dành cho chúng tôi hai vé hạng nhì. Quả thật cô nàng cừu tư Aussie đã có cảm tình với tôi, nàng đã để tên tôi vào hàng đầu trong danh sách chờ mua vé. Có lẽ một phần là nhờ lúc đi mua vé tôi đi một mình. Điều này cũng thấy tự an ủi được phần nào, mình chưa đến nổi tệt. Nếu bị vợ quăng ra ngoài đường, ngoài chợ chắc cũng còn có kẻ muốn nhặt (dĩ nhiên bà xã tôi cũng chẳng đại gì mà làm chuyện đó). Thế là chúng tôi sẽ được xem pháo bông New Year ngay tại nhà hát Opera.

Sau khi ghé qua nhà hát Opera lấy vé, tôi dùng water taxi đến Convention Center sớm để ghi danh.

Đã có nhiều người viết về Đại Hội rồi, tôi không lặp lại làm gì cho phiền đọc giả chỉ xin nói qua vài ba điểm bên lề đại hội. Nhìn chung đại hội kỳ này được tổ chức rất chu đáo đúng tầm mức quốc tế. Riêng cá nhân tôi, tôi có

được một sự thoải mái tối đa qua những sự tiếp đón niềm nở và đầy tâm tình bên cạnh tình anh em, huynh đệ của đại gia đình y khoa.

Một trong những người tới sớm nhất chiều nay là nha sĩ Lâm Xuân Thời đến từ Norway. Qua vài ba câu chuyện, tôi biết mình có thêm được một người bạn mới từ Bắc Âu. Anh Liêu Vĩnh Bình hôm nay đeo collar có lẽ đã bị thiên hạ “văn cổ” hơi nhiều.

Buổi lễ khai mạc diễn ra rất trang nghiêm và đầy ý nghĩa. Đặc biệt là những màn văn hóa cổ truyền Việt Nam và thổ dân Úc châu. Không thấy những màn hài và bi kịch diễn ra như ở những buổi lễ khai mạc tại những đại hội khác. Bài diễn văn chủ yếu “Ai Đem Quán Trọ Mà Ngăn Nèo Về ?” của Luật sư Lưu Tường Quang đầy ý nghĩa Về Nguồn. Tiếng Anh nói bằng giọng kangaroo của các bác sĩ trẻ Úc châu nhất là của bác sĩ Katherine Liêu, ái nữ của anh Bình thật dễ thương.

Giải Văn Học kỳ này đã thấy chuyển hướng và đã để ý tới khía cạnh khảo cứu.

Buổi tối dự Cocktail Party trên du thuyền kiểu catamaran Lady Rose sang trọng. Du ngoạn trên vịnh Sydney ban đêm thật thơ mộng. Trời đêm lạnh lạnh làm gia tăng thêm vị nồng ấm của rượu Úc. Tôi vốn hay ngại đi lấy thức ăn giữa một đám đông (thường được vợ lo cho) may mắn ngồi bên nha sĩ Lâm Xuân Thời. Anh ăn chay. Bọn tôi chia sẻ miếng sandwich. Tôi ăn phần thịt ở giữa còn anh ăn phần vỏ bánh mì kẹp hai bên. Còn những món ăn mặn khác được tiếp tế anh đưa hết cả cho tôi. Kết quả là tôi ăn nhiều hơn anh Thời vì thế tối tối khuya bụng đã no không thể đi ăn cháo đêm do anh Bình mời.

Ngày hôm sau là ngày 29 tháng 12, buổi chiều tôi có bài nói chuyện về Ý Nghĩa Những Hình Thuyền Trên Trống Đồng Đông Nam Á. Tôi yên chí vì chắc chắn, ít nhất tôi cũng có được một thính giả là bà xã tôi. Hôm nay nhà tôi rời đoàn du lịch từ vùng biển san hô Great Barrier Reef để trở về tham dự buổi nói chuyện của tôi. Không đến nỗi mình nói chuyện với đầu gối của mình. Như đã nói, những cánh buồm của nhà Hát Nghêu Opera đã gợi ý cho tôi chọn đề tài. Dĩ nhiên những điều tôi trình bày về những con thuyền đều là những khai phá về trống đồng khác hẳn với những quan niệm của các học giả nghiên cứu trống đồng từ trước tới nay. Tôi biết, tôi cũng như những kẻ khai phá khác chỉ một mình một ngựa đi trong cái hạnh phúc cô đơn riêng của mình. Từ trước tới nay, có tác giả cho rằng những con thuyền trên trống đồng Đông Nam Á là những thuyền tang, thuyền thủy táng, thuyền tế Hà Bá với cảnh hy sinh các trinh nữ son trẻ. Các tác giả Việt Nam trước đây cho những con thuyền trên trống Ngọc Lũ I và các trống họ hàng là những con chiến thuyền với “lính thủy đánh bộ” với cảnh “liên hoan chiến thắng” qua cảnh bắt giữ, hành quyết tù binh... Xin thật vất vả nói lại ở đây, là cái máu chót, cái chìa khóa để hiểu ý nghĩa những con thuyền trên trống đồng mà tôi tìm ra được sau bao năm nghiên cứu là **những người nhỏ bé trần trụi ngồi bệt trên sàn thuyền trông như những trẻ thơ đang bị những người cầm đồng canh giữ.**



*Một chiếc thuyền trên trống Ngọc Lũ I.*

Đây là những người mà các tác giả hiện nay cho là những tù binh hay những trinh nữ son trẻ dùng làm tế vật cho Hà Bá. Không. Không. Không. Đây không phải là những con người sống. Đây không phải là tù binh. Đây không phải là các trinh nữ dùng làm tế vật. Đây là những linh hồn người chết. Trong chữ viết và hình ngữ Nòng

Nọc, tư thế ngồi là âm, là chết và ngược lại đứng là dương. Hình ngữ một người ngồi ở tư thế thai nhi (fetal position) khắc trên đá (petroglyph) của người Thổ dân Mỹ châu vùng Tây Nam Hoa Kỳ (Southwest) có nghĩa là chết hay mai táng (Richard Harris). Nhiều tộc thổ dân châu Mỹ chôn người chết ở tư thế ngồi bó gối kiểu này. Trên Trống Đồng Âm Dương Đông Nam Á, để có sự hòa hợp âm dương, phần lớn những người đánh trống đều ngồi nghĩa là ở tư thế âm cho hòa hợp với nghĩa đục, dương mang tính trội của trống (Việt ngữ *trống* có một nghĩa là *đục*), ngược lại cối là cái, âm, ngược lại những người giã chày vào cối đều đứng, ở tư thế dương. Người cổ Đông Nam Á trong đó có người cổ Việt Đông Sơn quan niệm rằng linh hồn con người là một trẻ thơ, sinh ra trẻ thơ và trong trắng, hồn nhiên như một đứa trẻ, linh hồn trần trụi không quần áo, không trang sức. Chỉ có thân xác con người mới che đậy, mới trang điểm, mới tô son trát phấn. Với năm tháng thân xác con người già đi nhưng hồn người mãi mãi vẫn là trẻ thơ. Khi chết những linh hồn trẻ thơ này vẫn thế và được về miền vĩnh cửu hay tái sinh. Xin trích dẫn nguyên văn một đoạn nói về đức tin linh hồn là trẻ thơ này của người cổ Việt-Mường trong cuốn *Les Mường* của J. Cuisinier (Jeanne Cuisinier, *Les Mường, Géographie humaine et Sociologie*, Paris, Institut d'Ethnologie, 1946, p.463-64):

*"À côté du cercueil, on installe l'autel du mort devant lequel seront présentées les offrandes et recitées les prières jusqu'à la fin du deuil; parfois (nous l'avons observé dans le Mường Vang et à Ngọc Mỹ) on suspendre entre les deux un étrange objet appelé "jouet à huit angles" tai kon bát yák parce qu'il doit de deux carrés superposés auxquels pendent des écheveaux de soie multicolores, de petits cubes et de petits calices en calocot blanc ou en papier d'oré. On le met entre l'autel et le cercueil pour que l'âme du mort s'amuse avec ce jouet, parce que les âmes, disent les Mường, même dans le corps de vieillards, sont toujours pareilles à de jeunes enfants. Devant la croyance en une perpétuelle enfance de l'âme, on ne peut s'empêcher d'évoquer les Dayak chez lesquels, au cours de leurs grandes fêtes funéraires, "les prêtresses portent dans les plis de leurs vêtements, comme des petits enfants, les âmes des donateurs de la fêtes (R. Hertz, Contribution à une étude sur la présentation collective de la mort, p.102)". (Bên cạnh quan tài, người ta dựng bàn thờ người chết, trước đó dâng cúng lễ vật và cầu nguyện cho tới mãn tang lễ, đôi khi (chúng tôi nhận thấy ở Mường Vang và Ngọc Mỹ) người ta treo giữa quan tài và bàn thờ một vật lạ gọi là "đồ chơi tám góc" tai kon bát giác bởi vì gồm có hai hình vuông chồng chéo lên nhau trên đó có treo các sợi tơ đa sắc và các khối lập phương và hình chén nhỏ bằng calocot trắng hay giấy vàng. Người ta để đồ chơi này giữa bàn thờ và quan tài để cho linh hồn người chết vui chơi bởi vì người Mường cho rằng linh hồn người chết ngay cả trong các thân xác người già, vẫn luôn luôn giống như những trẻ thơ. Trước đức tin là linh hồn trẻ thơ mãi mãi, ta không thể không nói tới ở người Dayak, trong suốt các tang lễ lớn, những nữ pháp sư, nữ tế mang các linh hồn người chết chủ lễ trong các túi gấp nếp ở quần áo của họ như đựng (mang) các trẻ con" (R.Hetz). J. Cuisinier cũng dẫn thêm cho rằng các người Fidji cũng quan niệm linh hồn người chết "chỉ là những đứa trẻ" (et on songe aussi à la conception de l'âme chez les Fidjiens qui se servent de grands éventails pour protéger l'âme du mort qu'ils enterrent, afin de la protéger, dit Frazer "because as one explained to a missionary his soul "is only a little child" (D'une lettre du Rev. Lorimer Fison, citée par Frazer in Taboo and the perils of the soul, p.30). Người Semang Pygmies, một trong nhóm người cổ đại nhất ở quần đảo Mã Lai cho rằng người chết trở thành trẻ con trở lại, do đó sửa soạn cho một đời khác trên thế gian (among one of the most archeic peoples of the Malay Peninsula, the Semang Pygmies believe that the dead become infants again, thus preparing themselves for another life on earth) (M.Eliade, Shamanism, p.280- 281).*

**Những người nhỏ bé trẻ thơ trần trụi đang ngồi trên sàn thuyền chính là những linh hồn và cũng chính vì có sự hiện diện của những linh hồn này mà thuyền mới được gọi là thuyền linh hồn là vậy. Tuy nhiên đây không phải là những thuyền linh hồn thông thường hiểu theo nghĩa là những thuyền tang hay thuyền thủy táng mà những linh hồn này đang bị canh giữ, phán xét.**



Tất cả thuyền trên trống Ngọc Lũ I đều có cảnh một hay hai linh hồn ngồi dưới sàn thuyền đang được phán xét. Linh hồn được một người gác linh hồn đứng phía sau tay cầm vũ khí dĩa vào đầu canh giữ. Đứng phía trước linh hồn, một người phán xét linh hồn một tay để lên đầu linh hồn, một tay gõ vào trống Cây Vũ Trụ, Cây Đồi để khởi động vòng tử sinh trong quá trình định giá linh hồn. Linh hồn được định giá xem là thiện hay ác. Những linh hồn ác bị tống xuống âm ty và những linh hồn thiện, tốt được cho đi qua cây Cầu Thử Thách (“bridge of challenge”) hay Cầu Gian Nguy (“dangerous bridge”) nằm ngay phía sau cảnh phán xét linh hồn. Cầu có hình một đài cao biểu tượng Tam Thế. Người đứng trên đài cầu cao Tam Thế tay cầm lao và khiên là người gác cổng cõi trên, gác cổng trời hay thiên đường. Cầu Thử Thách là cây cầu mà linh hồn người chết phải đi qua để chịu sự thử thách cuối cùng trước khi đi về được cõi hằng cửu, cõi trời (thiên đường). Những linh hồn ác hay tội lỗi không thể nào vượt qua được cây cầu này và rơi xuống vực thẳm của Cõi Âm.

Ở trống Hoàng Hạ, trên thuyền số một, có một linh hồn sau khi đã làm xong thủ tục phán xét và được cho là một linh hồn thiện, tốt, đang đi vào cổng Trục Thế Giới để vượt qua thử thách cuối cùng là đi qua Cầu Thử Thách hình Tam Thế để lên Cõi Trời.



*Một linh hồn đang đi vào Trục Thế Giới để vượt qua cây Cầu Thử Thách trên một con thuyền ở trống Hoàng Hạ.*

**Những thuyền trên trống Ngọc Lũ I và các trống họ hàng là những thuyền phán xét linh hồn trong Vũ Trụ giáo.**

**Hiểu được ý nghĩa những con thuyền trên trống đồng là hiểu được một phần cái vũ trụ quan, nhân sinh quan của người Đông Sơn sống bên bờ nước sông biển ruột thịt với Lạc Việt Mặt Trời Nước.**

Ta cũng thấy rất rõ chủ nhân ông của trống đồng là những người quan niệm linh hồn là một trẻ thơ trong trắng, hồn nhiên, trẻ mãi không già, không chết theo với thân xác. Linh hồn thiện sẽ sống vĩnh cửu hay tái sinh. Họ có cùng một vũ trụ quan, một nhân sinh quan với người Mường, người Cổ Việt. Người Đông Sơn là người Cổ Việt-Mường hay ít ra cả hai có chung cùng một nền văn hóa là Vũ Trụ Tạo sinh, có cùng một tín ngưỡng là Vũ Trụ giáo.

Buổi tối là Đêm Hội Ngộ tại nhà hàng ăn Marigold ở đường George Street. Một buổi hội ngộ hiếm có từ trước tới nay đầy thân tình, thân ái, đầy tình đồng khóa, đồng môn và đầy tình huynh đệ trong đại gia đình y khoa. Văn nghệ vẫn gừng hào hứng bộc xuất từ tận đáy lòng. Thức ăn ngon, hợp khẩu. Đặc biệt, phải nói tới món “cua bòn” của Úc đắt hơn vàng, gần trăm đô la một kí lô.

Tối hôm sau 30/12/ 2004 là Đêm Gala. Vì vướng mắc trong Ca Đoàn Áo Trắng phải chờ trình diễn nên tôi không được thưởng thức những màn trình diễn đặc sắc của đoàn văn nghệ chủ nhà. Lần này tham dự Ca Đoàn Áo Trắng, tôi có một bất đồng với ca đoàn trưởng về bài hợp xướng Hương Xưa chọn cho chủ đề Về Nguồn của Đại Hội kỳ này. Bài hát Hương Xưa của Cung Tiến mặc dầu với cái tên Hương Xưa nghe có vẻ hợp với Về Nguồn nhưng trong bài hát có những câu hát như “Đường thi”, “Cô Tô”, “nàng Quỳnh Như”... nhuộm đầy màu sắc văn

hóa Trung Hoa. Nhưng ca đoàn trưởng cho rằng nguồn cội của người Việt Nam phát xuất từ Trung Hoa và tất cả ca đoàn viên khác đều “xướng ca theo”. Theo trò chơi dân chủ, tôi cũng phải chấp thuận với một điều kiện là hát thì hát nhưng không nên nói là “*để chọn theo chủ đề Về Nguồn của Đại Hội kỳ này, Ca Đoàn Áo Trắng xin trình diễn hợp xướng Hương Xưa của Cung Tiến*”. Khi ra sân khấu trình diễn, buồn thay, ca đoàn trưởng đã không giữ lời hứa và vẫn mào đầu bằng câu nói như trên.

Đại Hội bế mạc trong hân hoan, hoàn mỹ. Đại Hội thành công rực rỡ.

Ngày hôm sau, buổi trưa là buổi ra mắt sách. Đây là lần đầu tiên một Đại Hội của Y giới có tham dự vào việc đỡ đầu ra mắt sách cho các tác giả trong giới bác sĩ. Kỳ này có bốn tác giả, ngoài tôi ra với tác phẩm Tiếng Việt Huyền Diệu còn có thêm bác sĩ Võ Văn Tùng với tác phẩm Vòng Tay Định Mệnh, bác sĩ Hà Thúc Như Hỷ với tác phẩm Thiên Hùng Ca Dân Tộc Việt và bác sĩ Lê Phương Thúy với tác phẩm Hành Trang Vào Đời. Buổi ra mắt sách tại nhà Hàng Quốc Tế ở Canley Heights được bảo trợ bởi Trung Tâm Văn Bút Hải Ngoại tại Úc châu, Đại Hội Quốc Tế Y Nha Dược Sĩ Việt Nam Tự Do kỳ 5 tại Sydney, Lương Nguyệt San Y Học và Đời Sống, Tuần Báo Văn Nghệ, Tập San Tư Tưởng... Nhà hàng Quốc Tế đã có nhã ý cho mượn cơ sở. Ngoài ra còn có các bàn tay phụ giúp của các chị trong Hội Ái Hữu Trưng Vương NSW do chị Vũ Thị Phương làm hội trưởng và phu nhân của anh Phan Văn là nhà thơ Lệ Hoàng. Cảm động nhất là anh Phan Văn đã cho chạy lại một bài giải đáp Y Học của tôi cho một thính giả của đài BBC trước đây. Nghe lại giọng mình và câu trả lời của mình mới thấy thán phục. . . mình. Bình thường tôi vốn có tính coi khinh mình.

Sau khi ra mắt sách xong, chúng vội vã trở về khách sạn để sửa soạn đi dự New Year Gala Concert của Australian Opera tại Opera House. Cao điểm của ngày cuối năm hôm nay là buổi đốt pháo bông nửa đêm ngay tại hải cảng Sydney.

Khu Hải Cảng, Khu Circular Quay, khu nhà hát Nghêu đen ngẹt, nôm cứng, chen vai thích cánh người và người. Một rừng người. Một biển người. Những tham dự viên buổi hòa nhạc tối nay được dành một lối đi riêng để vào nhà hát Opera.

Đúng giờ, mở màn là bài Strike Up the Band Overture của George Gershwin do Australian Opera và Ballet Orchestra trình diễn do nhạc trưởng Richard Hickox điều khiển. Nếu so sánh với Opera của Ý và Hoa Kỳ thì Opera của Úc mới chỉ ở hàng đầu nhưng chưa tới mức thượng thừa. Dĩ nhiên không có giọng opera nào sánh bằng các giọng tenors của Ý như Pavarotti, Domingo, Carreras...



*Đêm New Year's Eve Gala Concert tại Opera House.*

Interval nghỉ giải lao ngay đúng lúc pháo bông khởi sự vào lúc 9 P.M. Đây mới là đợt “khai hòa” để mở màn cho một đêm hoa đăng của Sydney. Người Úc tự hào cho rằng đây là đêm pháo bông lớn nhất, đêm huy hoàng nhất, đêm rạng ngời nhất trên thế giới để đón mừng Năm Mới.

Dĩ nhiên nhà Hát Nghêu là một địa điểm tuyệt vời và lịch lãm nhất để chiêm ngưỡng bầu trời đêm Sydney nở rộ ngàn hoa ánh sáng.

Buổi trình tấu nhạc chấm dứt trước nửa đêm với màn “Au fond du temple saint” trích trong The Pearlfishers của Geoges Bizet do Jaewoo Kim và Michael Lewis trình diễn, chấm dứt sớm để sửa soạn cho show pháo bông chính thức đón mừng Năm Mới vào lúc nửa đêm.

Hàng ngàn ngàn cái bóng bóng, hàng triệu cánh bướm bướm giấy từ trần nhà đổ xuống đánh dấu chấm hết buổi hòa nhạc với câu hợp xướng:

*Oui, c'est elle... C'est la déesse,*

*En ce jour qui vient nous unir*

*Et fidèle à ma promesse*

*Comme un frère je veux te chérir!*

*C'est elle!... C'est la déesse,*

*Qui vient en ce jour nous unir!*

*Oui, partageons le même sort!*

*Soyons unis jusqu'à la mort!*

Mọi người với ly champagne cầm trong tay chờ đón giây phút giao thừa sắp đến, chờ đón bầu trời Sydney nở rộ hoa đăng. Dàn nhạc giao hưởng bắt đầu trở dậy những khúc nhạc chào mừng năm mới.

Giao thừa đã điểm. Cả bầu trời cảng Sydney rực sáng. Ngàn vạn đóa hóa ánh sáng rạng ngời rờ bung ra trên bầu trời Sydney. Cả dòng thác ánh sáng chảy từ Cầu Harbour xuống mặt nước.

Dưới bầu trời rực rỡ ánh sáng và màu sắc chan hoà của cảng Sydney, đoàn rước thuyền Harbour of Light parade lung linh ánh sáng, bành bồng trôi trên mặt nước.

Tất cả mọi người cùng nâng ly champagne chúc tụng giây phút trời đất giao hòa. Giây phút chia sẻ yêu thương cùng nhau. Tình Người. Hai vợ chồng tôi thấy mình gần cận với nhau hơn bao giờ cả.

Pháo bông chấm dứt. Người đàn bà đứng sát bên tôi còn nuối tiếc “*năm nay ít pháo bông quá*”. Năm nay chương trình đốt pháo bông cắt giảm, tiết kiệm bớt để giúp những người bị Tsunami mới xảy ra ở Thái Bình Dương.

Dạ vũ bắt đầu. Tôi vốn ít thích nhảy. Tôi thường nói đùa là mình dùng tay viết nhiều nên không có “chân tài” vì thế nhảy nhót rất vụng về. Nhảy nhiều chỉ sợ có dăm ba chữ trong đầu chúng rơi rớt mất. Nhưn g đêm nay không cảm... chân được. Phải nhảy với trời đất, sóng nước và con người Sydney.

Dạ vũ tàn. Chúng tôi rời nhà hát Opera đã quá một giờ sáng. Người bên ngoài bên cảng và các khu phố vẫn còn chen chân, vui như Tết... Tây. Tiệc vui Năm Mới hãy còn. Một bãi chiến trường ăn chơi . Chai. Lọ. Lon. Giấy. Hộp. Rác. Rác rưởi. Rác rến. Thức ăn thừa. Những đồng nôn mưa...

Những người say sưa lao đảo, ngã nghiêng. Nằm, ngồi la liệt. Có những người bất tỉnh nhân sự được bạn bè khiêng chạy long nhong như “cưỡi ngựa bồng bề” hay lúi xềnh xệch trên mặt đường. Không thấy bóng dáng Paramedics ở đâu cả. Ở Hoa Kỳ cứu giúp các người lâm nạn kiểu này thì vỡ nợ. Điều này cho thấy ở đây hành nghề y khoa còn nhiều thông thả, thoải mái. Về rác rến thì Úc châu hơn Hoa Kỳ xa. Tôi thường vào Las Vegas dự New Year. Đêm New Year’s Eve ở Las Vegas cũng tương bưng, cũng rượu chè say sưa be bét nhưng ở Mỹ cứ cách khoảng chừng 15 hay 20 thước lại có một cái thùng rác. Cứ cách trăm thước lại có một nhóm cảnh sát, cấp cứu viên đóng chốt, chưa kể cảnh sát cưỡi ngựa và cưỡi xe đạp đi tuần tiễu. Xe cứu thương và chữa lửa chờ sẵn ở các ngã tư chính.

Chúng tôi đi trong dòng người chung cái vui đầu năm

với đám đông. Bộ áo lớn dự dạ hội của tôi thấy lạc lõng giữa đám đông tuổi trẻ. Giới trẻ Úc vui nhộn, ồn ào và hoang dại hơn những nơi khác. Con gái kangaroo có cặp dò trường túc, cao, to, đẹp, giống như cặp dò kangaroo. Say rượu gái Úc cũng ôm... “túi” nhảy quảng, nhảy tương tương như kangaroo.

Bất ngờ. Thật Bất ngờ. Một nàng cừu tơ Aussie ào tới ôm chàng lấy tôi và tặng tôi một nụ hôn nồng cháy và chúc “Happy New Year”. Cảm thông với trời đất, với lòng người đẹp, tôi cũng mở rộng lòng ôm nàng chặt trong vòng tay đáp lại “Happy New Year”. Một nụ hôn chính thức ngay trước mắt bà xã tôi, không phải là một cái hôn lén lút, một nụ hôn có “trình toà”, có mặt luật sư chứng thực hẳn hoi. Mùi son, mùi rượu của chiếc hôn bay đi nhưng còn phảng phất lại mãi mùi cừu tơ Aussie.

Sớm mai này chúng tôi lại theo nhóm du lịch lên đường đi Tân Tây Lan.

Sáng sớm tắm rửa lên đường, tôi để chừa lại một bên má, giữ lại nụ hôn đầu năm của Sydney.

Xin chấm dứt Kangaroo ký ở đây. Một chuyến đi Úc châu nhớ đời.

*(hết).*

**Nguyễn Xuân Quang**

Nguồn: <http://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/category/du-l%E1%BB%8Bch/kangaroo-ky-4/>